

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

6

HAI BÀ TRƯNG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
PHAN AN
Họa sĩ
NGUYỄN TRUNG TÍN



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 6: HAI BÀ TRƯNG

Tái bản lần thứ tư

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THU VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Hai Bà Trưng/ Trần Bạch Đằng chủ biên; Phan An biên soạn; họa sĩ Nguyễn Trung Tín.
Tái bản lần thứ 4 TP. Hồ Chí Minh: trẻ, 2013
94tr.; 20cm. (Lịch sử Việt Nam bằng tranh; T.6).
1. Việt Nam Lịch sử Đến 939 Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Phan An. III. Ts:
Lịch sử Việt Nam bằng tranh.
1. Vietnam History History To 939 Picture books.

959.7013 – dc22
H149

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước không thiếu những anh hùng hào kiệt. Thế nhưng Hai Bà Trưng chính là những kiệt kiệt đặc biệt trong lịch sử nước ta. Dù là phận nữ nhi nhưng Hai Bà đã xốc vai gánh vác việc nước, đền nợ nước, trả thù nhà, khó có bậc nam nhi lúc bấy giờ sánh bằng:

Bà Trưng quê ở châu Phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.
Ngàn tây nổi áng phong trần,
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên.
Hồng quân nhẹ bước chinh yên,
Đuổi ngay Tô Định, dẹp tan biên thành.
Đô kỳ đóng cối Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta...

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

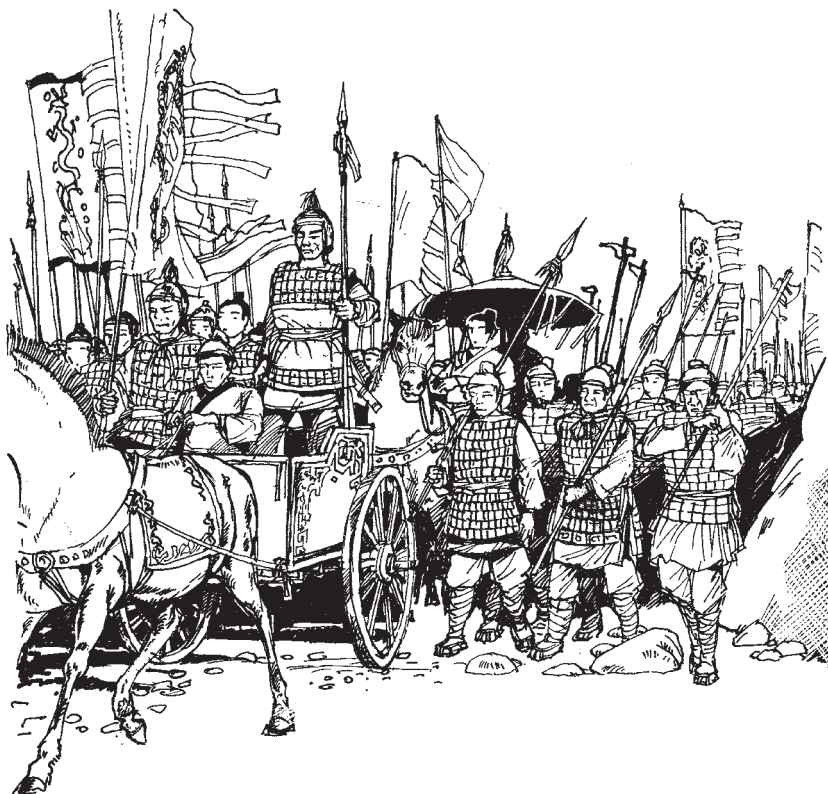
Dẫu việc lớn không thành do kẻ thù mưu sâu kế độc, nhưng tài năng, công lao và sự nghiệp hiển hách của Hai Bà đã được sử sách lưu danh, ca ngợi để muôn đời ghi nhớ công ơn Hai Bà.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 6 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Hai Bà Trưng”** phần lời do Phan An biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Trung Tín thể hiện.*

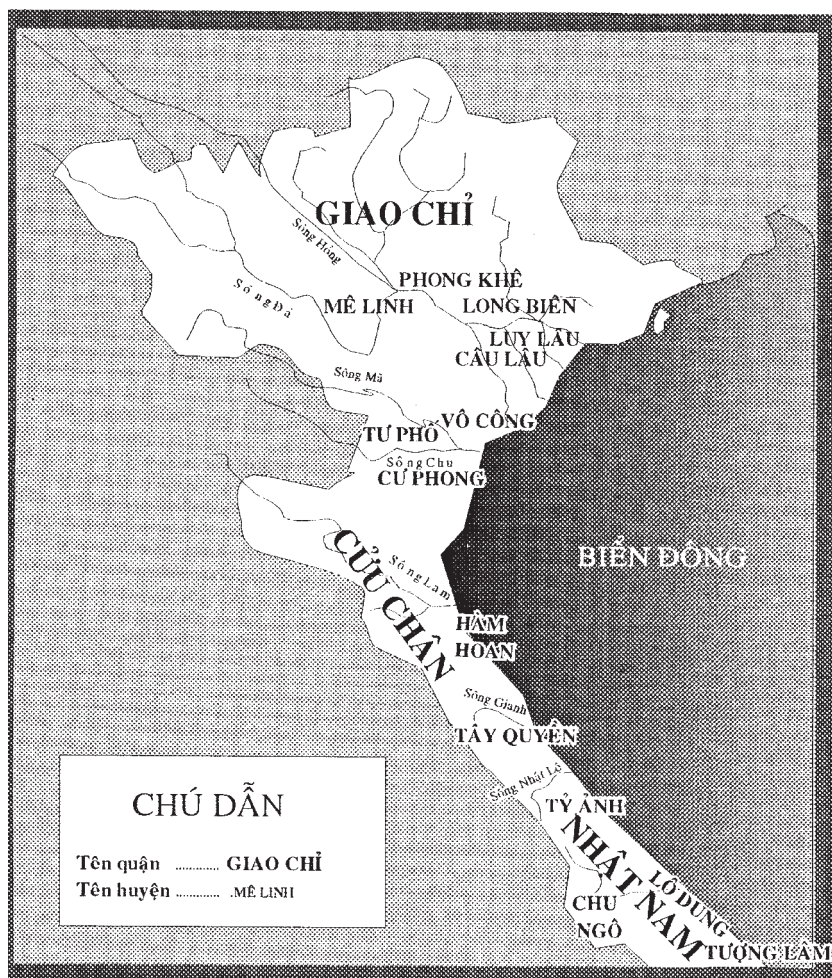
*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 6 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

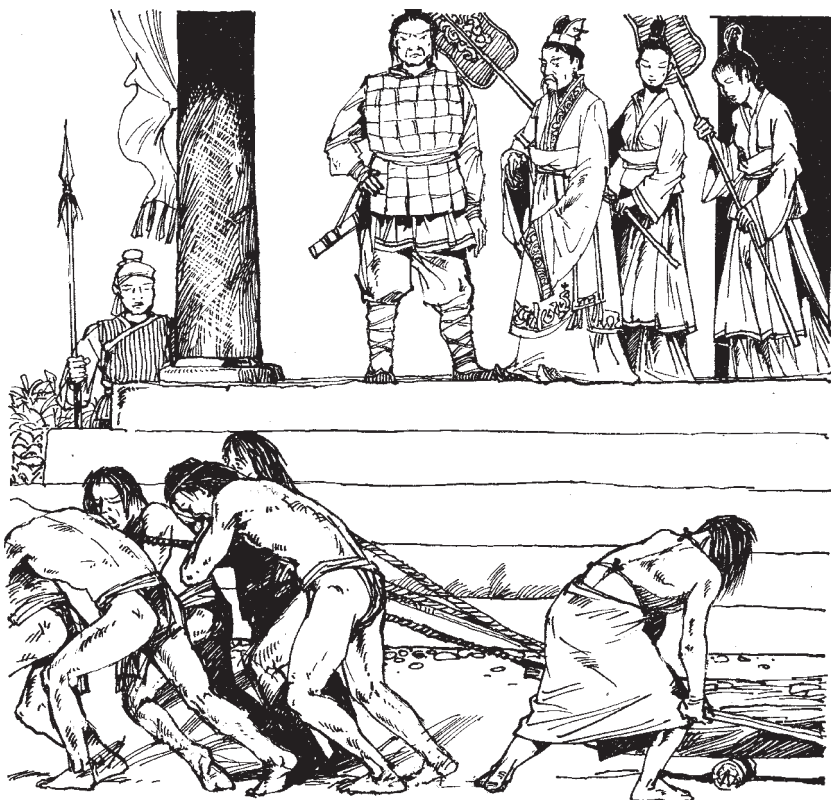
Hai Bà Trưng là tên gọi chung của hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị, hai anh hùng dân tộc của nước ta. Hai Bà đã đứng lên kêu gọi anh hùng hào kiệt tứ phương khởi nghĩa chống lại bọn đô hộ tàn bạo nhà Hán lúc bấy giờ, giải phóng đất nước và lên ngôi vua. Nhà Hán vô cùng căm giận, lệnh cho viên tướng tài ba lúc bấy giờ là Tô Định quay trở lại xâm lược nước ta. Vào ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43), trước thế giặc quá mạnh, Hai Bà đã gieo mình xuống dòng sông Hát tự vẫn, giữ tròn khí tiết.



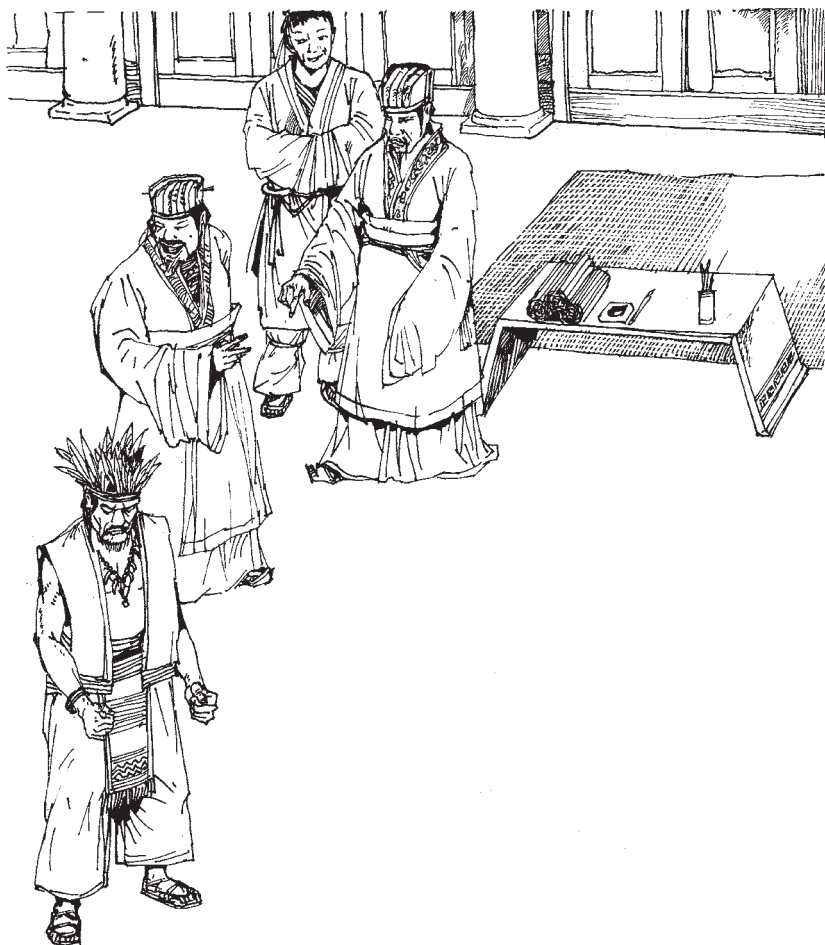
Năm 179 trước Công nguyên, Triệu Đà cướp nước Âu Lạc, lật đổ triều đình An Dương vương. Thời đại Hùng vương kết thúc. Đất nước Âu Lạc bị sáp nhập vào nước Nam Việt của nhà Triệu và bị chia thành hai quận Giao Chỉ (vùng Bắc bộ ngày nay) và Cửu Chân (vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ). Triệu Đà sai hai sứ thần coi giữ hai quận này.



Đến năm 111 trước Công nguyên, nhà Triệu bị nhà Hán thôn tính. Nhà Hán lại chia vùng đất của nước ta thời đó làm ba quận: Giao Chỉ (Bắc bộ), Cửu Chân (Thanh Hóa - Nghệ An – Hà Tĩnh) và Nhật Nam (vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên ngày nay). Hợp với các quận khác thành bộ Giao Châu, đặt trị sở ở Giao Chỉ là quận lớn nhất.



Năm thứ 8 sau Công nguyên (khoảng 100 năm sau), Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, tiến hành cải cách kinh tế xã hội. Nhân tình hình rối ren, Lưu Tú tiêu diệt Vương Mãng lên ngôi xưng là Quang Vũ đế, tái lập nhà Hán, sử cũ gọi là Đông Hán hoặc Hậu Hán (năm 25-220). Ổn định chính sự, nhà Đông Hán lại tiếp tục chính sách cai trị hà khắc những vùng đất bị đô hộ, trong đó có ba quận thuộc đất nước ta lúc bấy giờ.



Nhà Hán đưa những quan lại người Hán sang làm Thái thú, Quận thừa, Đô úy thừa, để cai trị các quận. Còn đứng đầu các huyện là Huyện lệnh hoặc Huyện trưởng, trước kia thường do các Lạc tướng người Âu Lạc đảm nhiệm, nay nếu không thay thế bằng người Hán thì cũng bị o ép hoặc cắt giảm quyền hành.

Năm 34, nhà Hán cử Tô Định sang làm Thái thú cai trị quận Giao Chỉ. Sử cũ chép rằng: “Tô Định là kẻ tham lam, tàn bạo, thấy tiền thì giương mắt lên”. Tô Định chọn Luy Lâu (nay thuộc Bắc Ninh) làm nơi đặt phủ Thái thú, bắt dân chúng xây thành đắp lũy, xây dựng dinh phủ đồ sộ. Lại bắt ép thanh niên trai tráng người Việt sung lính để tăng cường binh lực và củng cố binh quyền.



Hắn còn đặt ra những chính sách bạo tàn, bắt dân ta phải cống nộp đủ loại sản vật. Người dân, nếu không phải đi phu dịch liên miên cũng phải xuống biển mò ngọc trai, san hô hoặc lên núi kiếm sừng tê, ngà voi, da cạp, lông chim trĩ... Biết bao người bỏ xác nơi rừng sâu nước độc, nơi biển khơi sóng bạc.



Không những thế, nhà Hán còn ra sức cướp bóc, vơ vét thóc lúa, vải vóc, bắt nộp của ngon vật lạ, bắt thợ giỏi đem về nước Hán. Trong khi đó đưa dân Hán di cư sang nước ta, chiếm đất lập làng và ở lại sống lâu dài để dễ bề thực hiện việc đồng hóa.



Những Lạc hầu, Lạc tướng xưa nay vẫn cha truyền con nối nắm giữ quyền hành, bây giờ người thì bị tiêu diệt, người bị đưa sang Hán. Kẻ đương chức thì bị hạn chế quyền lực và bị quân lính Hán coi thường, sỉ nhục. Quan lại người Hán ngày càng đông và nắm giữ chủ yếu mọi quyền bính. Điều đó gây nên sự bất bình cho tầng lớp trên của xã hội vốn có nhiều uy tín trong nhân dân Âu Lạc.



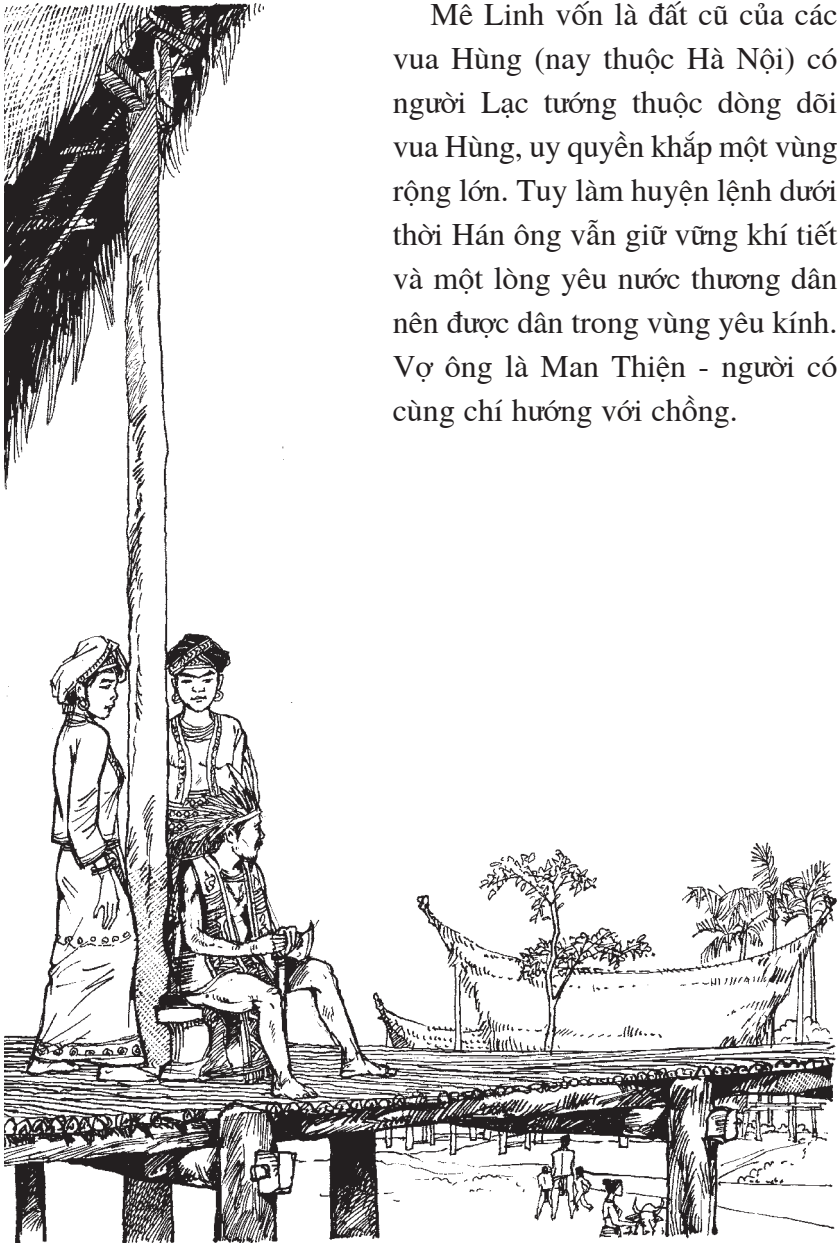


Nhà Hán còn buộc dân ta phải thay đổi phong tục tập quán, đổi cách ăn mặc, đổi các lễ nghi cưới xin, tang ma... theo phương Bắc. Người dân Âu Lạc đã phải chịu cực khổ, đói nghèo giờ đây lại bị cưỡng bức từ bỏ phong tục truyền thống, càng thêm đau đớn, phẫn uất. Trăm họ chỉ chờ thời cơ, nhất tề nổi dậy cứu nước cứu nhà.

Trong nỗi chung ấy, riêng người phụ nữ phải chịu biết bao tủ nhục. Phần lo tính mạng chồng, con, em bị bắt đi phu, đi lính, phần chịu gánh nặng thuế khóa cống vật. Đã vậy còn bị quan quân nhà Hán ức hiếp, cưỡng bức, ngang nhiên bắt về làm tỳ thiếp. Những phụ nữ có chí hướng đều nung nấu trong lòng ý chí chống giặc.



Mê Linh vốn là đất cũ của các vua Hùng (nay thuộc Hà Nội) có người Lạc tướng thuộc dòng dõi vua Hùng, uy quyền khắp một vùng rộng lớn. Tuy làm huyện lệnh dưới thời Hán ông vẫn giữ vững khí tiết và một lòng yêu nước thương dân nên được dân trong vùng yêu kính. Vợ ông là Man Thiện - người có cùng chí hướng với chồng.





Lạc tướng Mê Linh có hai người con gái là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Lớn lên trong tình thương yêu của cha mẹ, làng xóm, hai chị em sớm chứng kiến cảnh lính Hán hà hiếp, cướp đoạt của cải của dân làng. Càng yêu thương làng xóm, hai chị em càng căm thù quân bạo ngược. Ngày ngày hai chị em vừa giúp mẹ hái dâu chăn tằm^{*}, vừa luyện tập võ nghệ.

^{*} Có người cho rằng tiếng Trưng Trắc, Trưng Nhị vốn là từ tiếng “trúng chắc, trúng nhì” trong nghề chăn tằm dệt lụa.

Cạnh huyện Mê Linh có huyện Chu Diên (nay là vùng Đan Phượng, Từ Liêm thuộc Hà Nội). Đó là một huyện lớn, trù phú đất ruộng, đông đúc dân cư. Quan Lạc tướng Chu Diên vốn người khảng khái và hào hiệp. Ông có người con trai tên là Thi Sách. Chàng khỏe mạnh, giỏi võ nghệ, bắn tên, thông minh đỉnh ngộ.





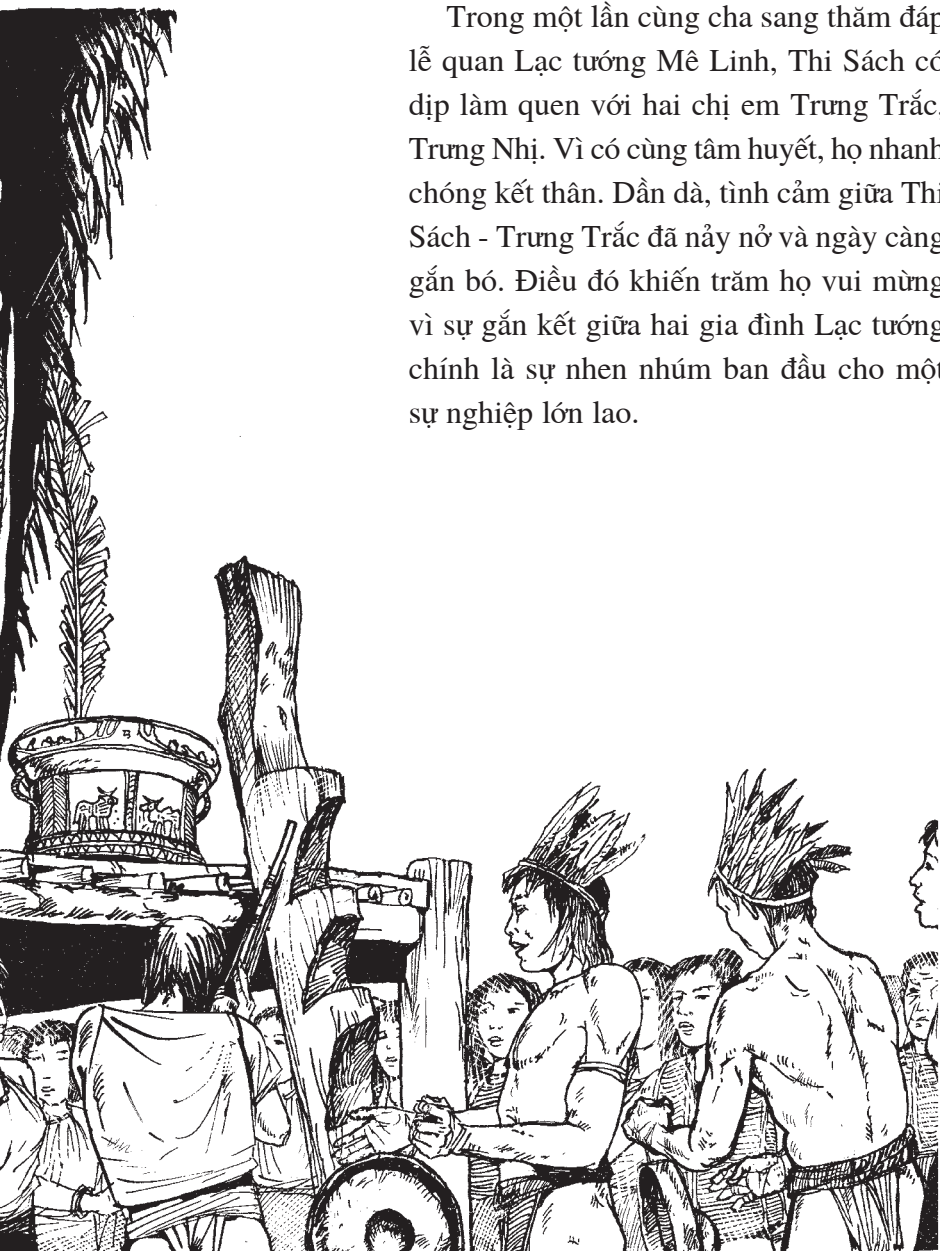
Lạc tướng Mê Linh và Lạc tướng Chu Diên là hai người bạn tâm giao, thường qua lại thăm viếng nhau. Câu chuyện giữa hai thủ lĩnh chủ yếu thường xoay quanh nỗi thống khổ của dân chúng dưới ách thống trị tàn bạo của Tô Định và bọn quan quân nhà Hán. Hai ông bí mật bàn cách đánh đuổi quân giặc cứu nước, cứu làng.



Thi Sách thường được cha cho dự bàn những lần đàm đạo cùng Lạc tướng Mê Linh và các thủ lĩnh địa phương lân cận. Chàng cũng sớm nuôi chí giết giặc nên cùng bạn bè ngày đêm luyện tập võ nghệ, chiêu mộ ngày càng đông những người yêu nước.



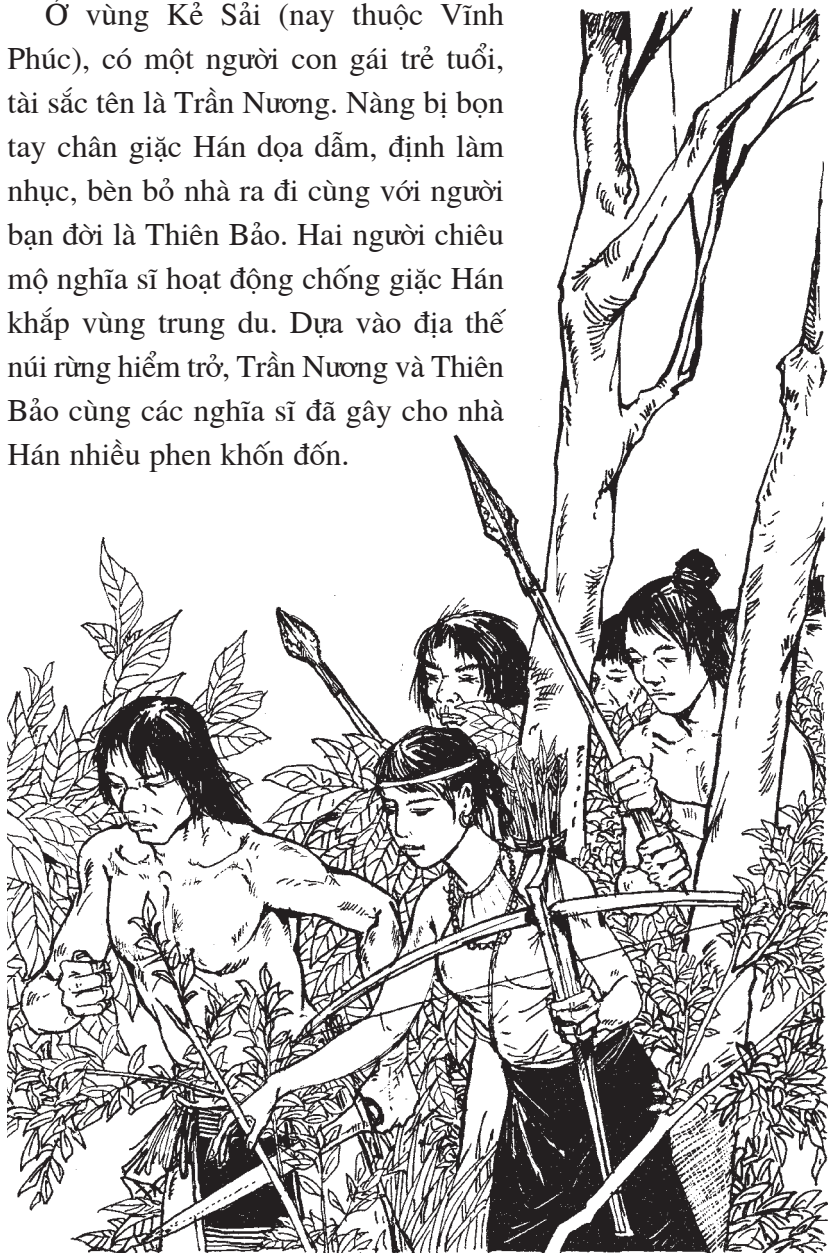
Trong một lần cùng cha sang thăm đáp lễ quan Lạc tướng Mê Linh, Thi Sách có dịp làm quen với hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị. Vì có cùng tâm huyết, họ nhanh chóng kết thân. Dần dà, tình cảm giữa Thi Sách - Trưng Trắc đã nảy nở và ngày càng gắn bó. Điều đó khiến trăm họ vui mừng vì sự gắn kết giữa hai gia đình Lạc tướng chính là sự nhen nhúm ban đầu cho một sự nghiệp lớn lao.





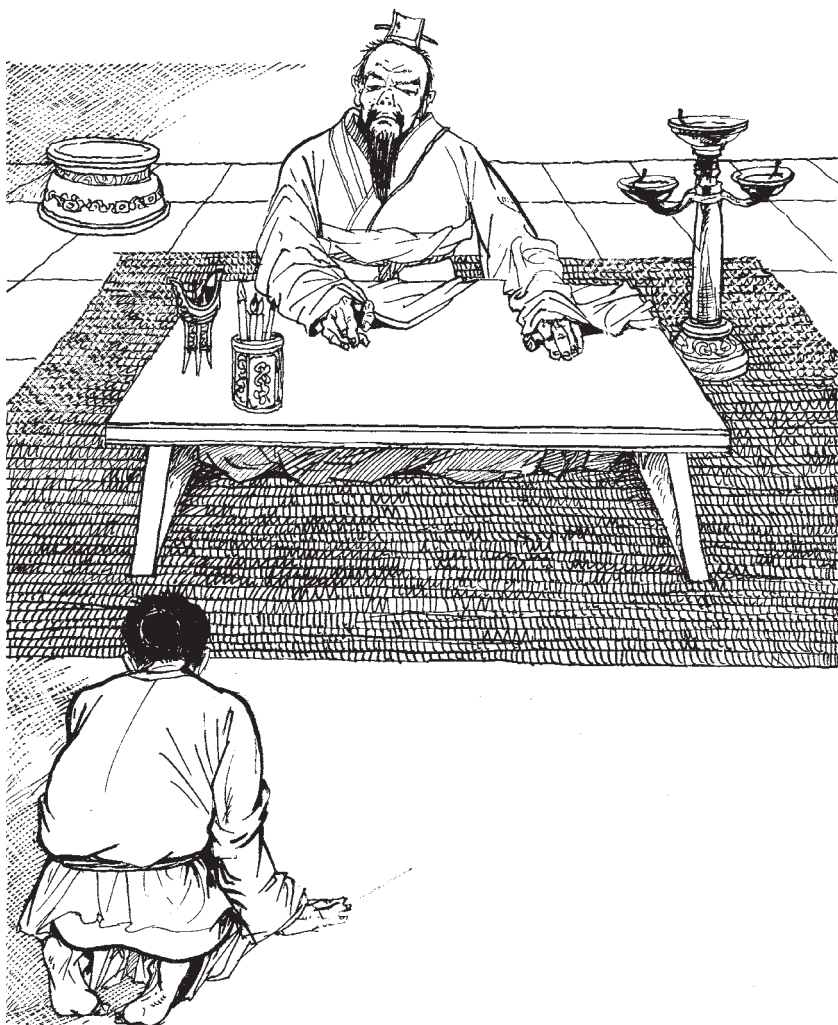
Cũng vào những năm đầu Công nguyên, trước khi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa, ở một số vùng thuộc nước ta đã có nhiều cuộc nổi dậy chống lại ách thống trị của nhà Hán. Ở vùng đất Đông Triều (Quảng Ninh ngày nay) có cuộc nổi dậy do chàng Hối làm thủ lĩnh. Tuy cha làm quan cho nhà Hán nhưng chàng không nhắm mắt làm ngơ trước sự tàn bạo của chúng, đã cùng cậu là Phạm Công Huyền tổ chức một đội quân, hoạt động chống lại quan quân nhà Hán suốt một rẻo đất Đông Bắc.

Ở vùng Kê Sải (nay thuộc Vĩnh Phúc), có một người con gái trẻ tuổi, tài sắc tên là Trần Nương. Nàng bị bọn tay chân giặc Hán dọa dẫm, định làm nhục, bèn bỏ nhà ra đi cùng với người bạn đời là Thiên Bảo. Hai người chiêu mộ nghĩa sĩ hoạt động chống giặc Hán khắp vùng trung du. Dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở, Trần Nương và Thiên Bảo cùng các nghĩa sĩ đã gây cho nhà Hán nhiều phen khốn đốn.



Có hai chị em ruột ở vùng Đường Lâm (nay thuộc Hà Nội), chị là Ả Lan, em trai là Lê Tuấn rất giỏi võ nghệ. Một lần giặc Hán đến làng thu nộp cống vật, cha của Ả Lan cùng dân làng chống lại. Quân giặc bắt ông và hành hạ đến chết. Năm ấy Ả Lan mới 18 tuổi. Làm lễ tang cho cha xong, nàng cùng em trai kêu gọi dân làng và các làng trong vùng liên kết cùng nhau tổ chức căn cứ chống giặc Hán.



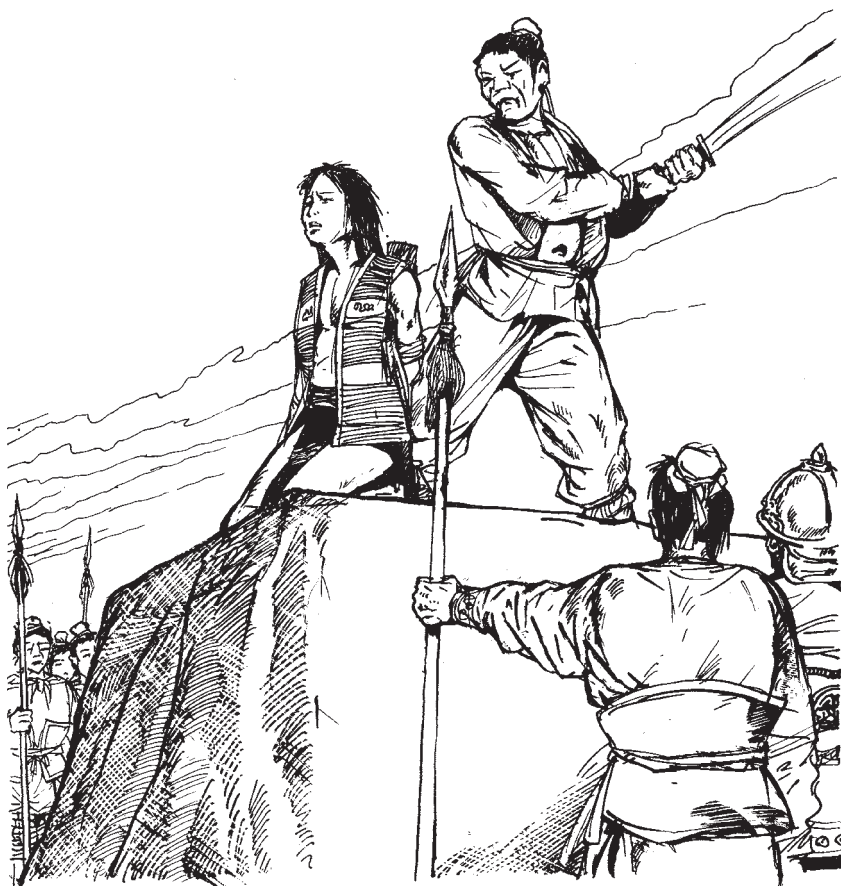


Những cuộc nổi dậy ở Giao Chỉ đã khiến Tô Định và bọn quan quân nhà Hán ăn không ngon ngủ không yên. Tô Định tức tối mở những cuộc hành binh đánh dẹp triền miên mà vẫn không sao dập tắt được phong trào nổi dậy của nhân dân Âu Lạc. Giữa lúc đó, hần được tin Thi Sách - con trai Lạc tướng Chu Diên và Trưng Trắc - con gái Lạc tướng Mê Linh tổ chức cưới xin.

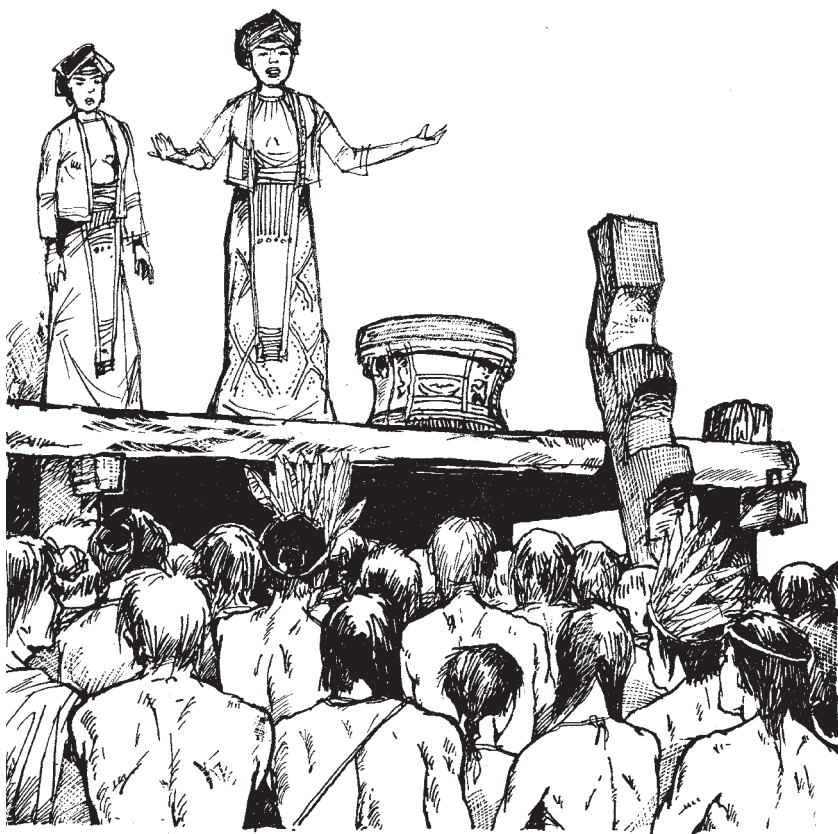
Thừa hiểu rằng đây không chỉ là chuyện cưới xin bình thường mà còn là sự liên kết các lực lượng chống Hán, Tô Định lập tức tìm cách đối phó. Trong khi dân chúng Mê Linh và Chu Diên đang tổ chức các cuộc vui để mừng đám cưới thì Tô Định đưa quân ào tới. Hắn bắt dân chúng giải tán và trói Thi Sách giải về trị sở.



Ngang nhiên dày xéo, chà đạp lên ngày lễ, phá bỏ tục lệ, bắt trói Thi Sách, Tô Định tưởng rằng sẽ dễ dàng uy hiếp tinh thần dân chúng. Nhưng các cuộc nổi dậy vẫn tiếp tục nổ ra ở nhiều nơi. Hoảng hốt, Tô Định liền đem Thi Sách ra hành hình.



Tin Thi Sách bị Tô Định giết hại đã gây nên lòng căm phẫn tột cùng trong dân chúng. Biết thời điểm đã tới, Trưng Trắc nén đau thương cùng Trưng Nhị đứng lên kêu gọi dân chúng khắp miền đồng lòng nổi dậy giết giặc cứu nước. Như chỉ chờ có thế, các làng các chạ trong vùng Mê Linh, gái trai tưng bừng bị gậy gộc, giáo mác, thành lập các đội nghĩa binh kéo về đứng dưới cờ nghĩa của Hai Bà.





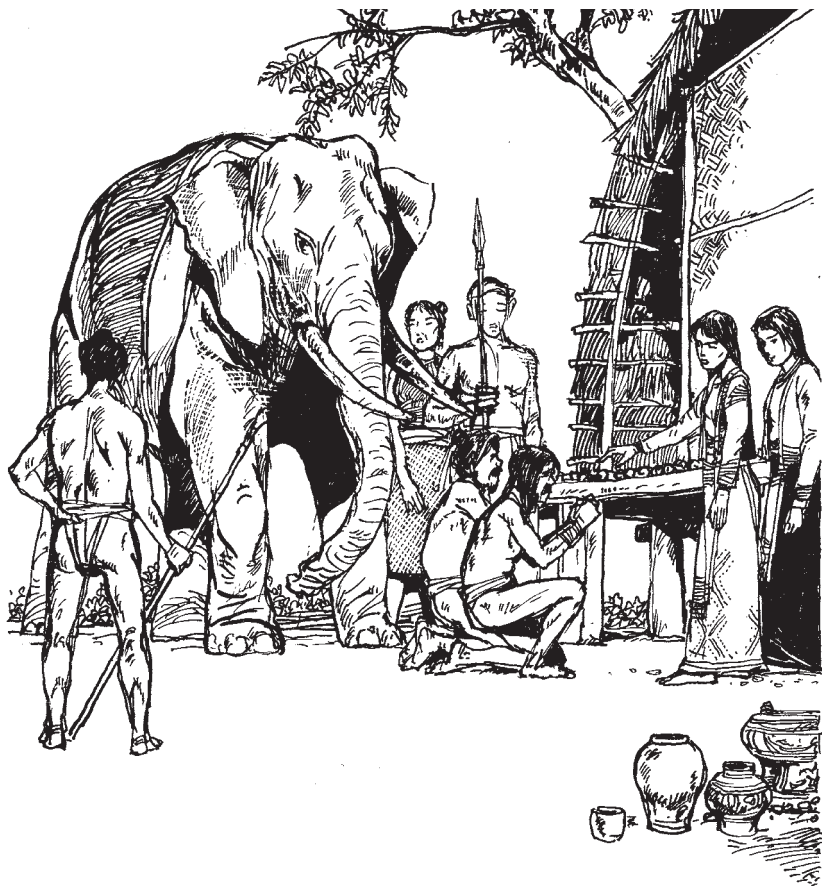
Chỉ trong vòng vài ngày chị em Ả Nương, Ả Nàng ở Yên Mạc (nay thuộc xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, Hà Nội) đã tổ chức đội quân đông đến hàng ngàn người. Trên đường kéo về hội với quân Hai Bà, gặp bất kỳ căn cứ nào của giặc Hán đội nghĩa binh của Ả Nương, Ả Nàng cũng quét sạch.



Kéo về hội quân hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà, còn có những đội nghĩa binh tuy số lượng ít ỏi nhưng đều tinh thông võ nghệ, cung tên và khỏe mạnh. Ba chục bạn trẻ ở làng Trung Hậu dưới sự chỉ huy của ba anh em Cả, Hai, Ba là những người giỏi võ nghệ, một người có thể địch lại hàng chục người đã hăm hở về Mê Linh tụ nghĩa.



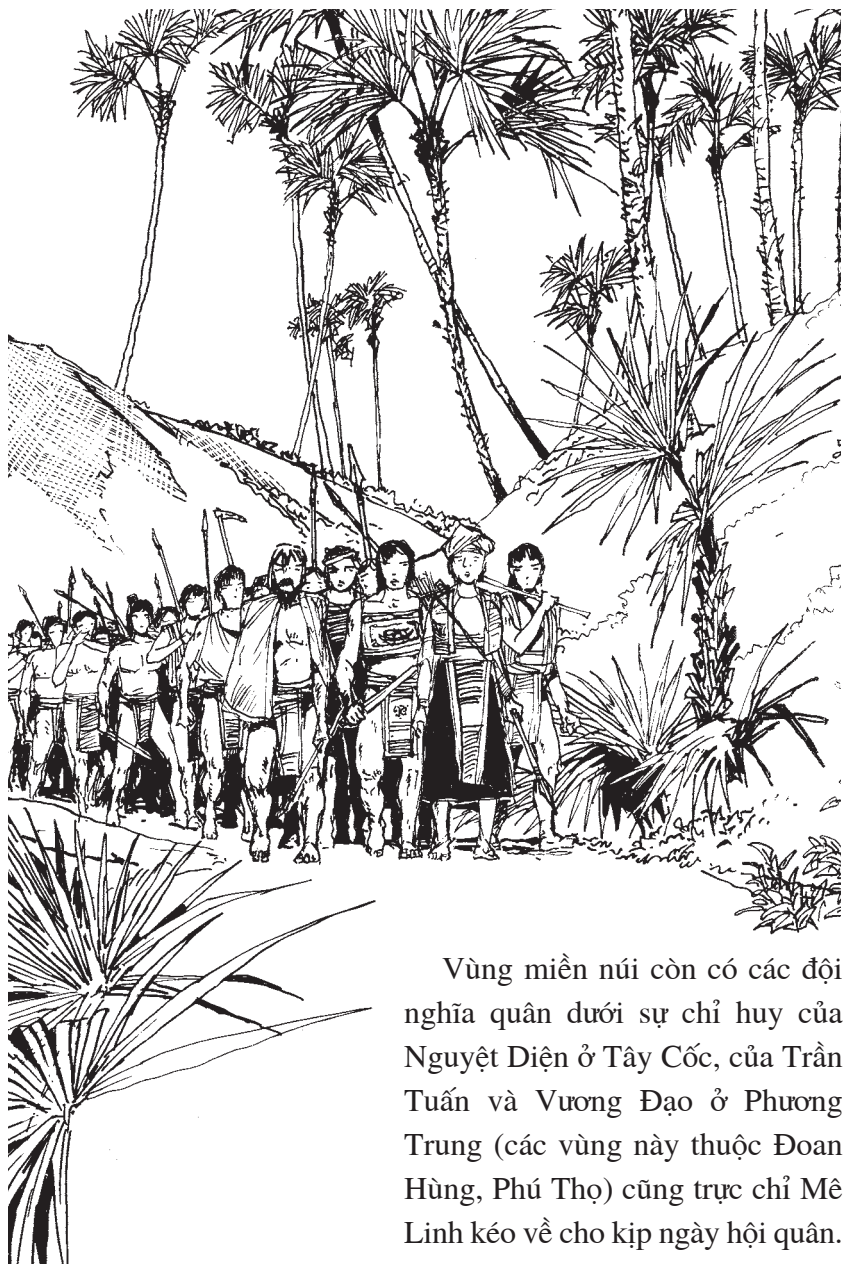
Một nhóm khác gần 50 nữ binh của Ả Tú, Ả Huyền ở Trang Vân Thủy (nay thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc) rất giỏi võ nghệ, cung tên, lại có tài chạy nhanh như gió, lúc ẩn lúc hiện khiến quân giặc thất điên bát đảo, cũng kéo nhau về gia nhập đội quân của Hai Bà.



Lại có người chỉ đến một thân một mình nhưng tài nghệ xuất chúng, bắn trúng hồng tâm cách một trăm bước, hoặc vừa cười ngựa vừa bắn bia di động, bách phát bách trúng. Có người không chỉ giỏi võ nghệ mà có tài điều binh khiển tướng, có tài quản tượng... Ai cũng xin được Hai Bà thu nhận để có dịp giết giặc cứu nước. Trong số họ về sau có nhiều người trở thành tướng tài của Hai Bà như Lữ Lữ ở Trang Vân Lô (Hà Nội), Nguyễn An ở Cao Xá (Hà Nội),...



Ngoài vùng đất Mê Linh, lời hiệu triệu khởi nghĩa của Hai Bà đã được các quận huyện lân cận nhiệt liệt hưởng ứng. Ở phía tây, nơi có những dãy núi điệp trùng cheo leo, hiểm trở, có nhiều nghĩa sĩ người dân tộc kéo về tham gia đội quân của Hai Bà.

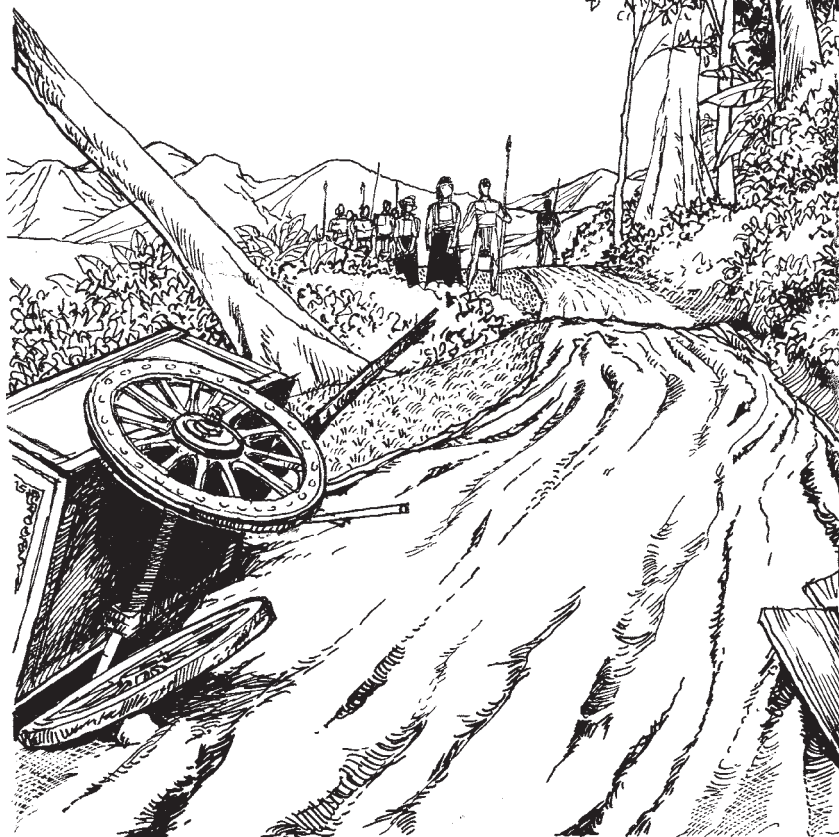


Vùng miền núi còn có các đội nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nguyệt Diện ở Tây Cốc, của Trần Tuấn và Vương Đạo ở Phương Trung (các vùng này thuộc Đoàn Hùng, Phú Thọ) cũng trực chỉ Mê Linh kéo về cho kịp ngày hội quân.

Ở phía đông, có bà Lê Chân ở trấn An Biên (nay là thành phố Hải Phòng), bà Bát Nàn vốn từ Phong châu lánh nạn về vùng Thái Bình cũng nhanh chóng tập hợp binh sĩ, tích trữ lương thảo, xây dựng lực lượng, phát cao cờ nghĩa hưởng ứng lời kêu gọi nổi dậy của Hai Bà Trưng. Nghĩa quân của các vị nữ tướng này đã đánh đuổi bọn quan quân nhà Hán, giải phóng một vùng rộng lớn phía đông Giao Chỉ.



Ở phía bắc, nơi có đường bộ thông thương với nhà Hán, có đội nghĩa quân của bà Thánh Thiên cùng cật ruột ở Ngọc Lâm (nay thuộc xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) đã nổi dậy chiếm cứ một vùng, nay cũng kéo về hợp với quân của Hai Bà.

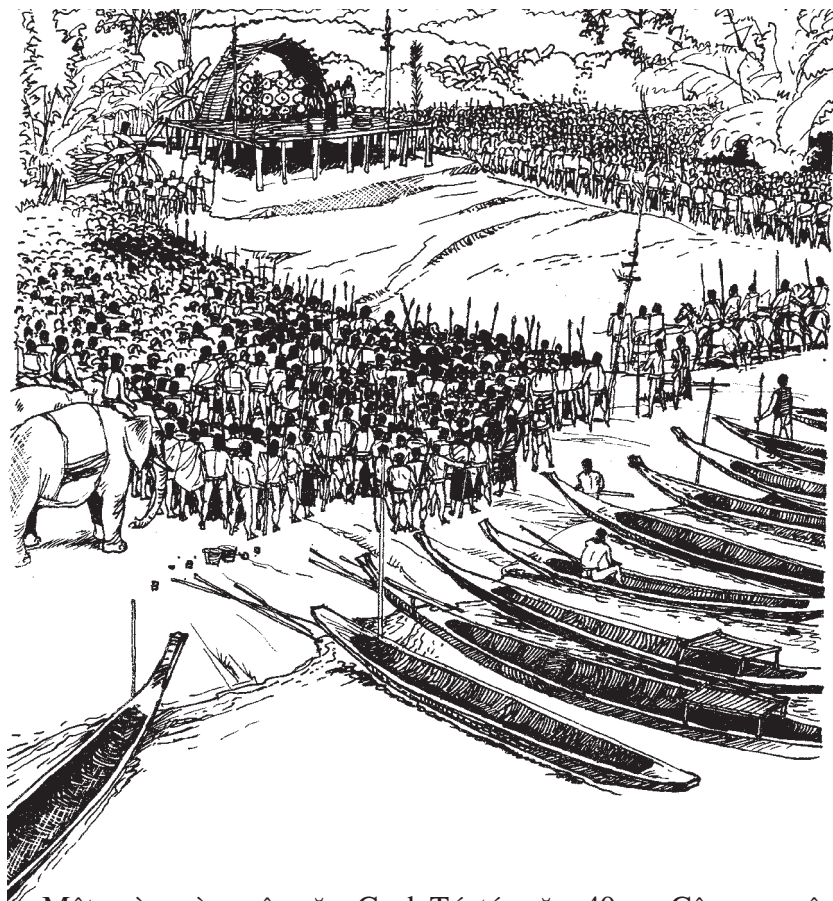




Về phía nam huyện Mê Linh, có các đội nghĩa quân dưới sự chỉ huy của bà Chu Tước ở Miếu Môn (nay thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội) phối hợp với đạo quân của bà Trinh Thục (ở Ngọ Xá, huyện Mỹ Đức, Hà Nội) cùng lúc nổi dậy tiến công các lý sở, đồn trại quân Hán trong vùng...

Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, mà số nghĩa binh tham gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã đông tới hơn 5 vạn người (dân số quận Giao Chỉ lúc bấy giờ là 740.000 người). Mê Linh, vùng đất bản bộ của vua Hùng xưa, giờ trở nên náo nức, là nơi tụ hội của các cánh nghĩa quân đang ngày đêm kéo về mưu nghiệp lớn.





Một ngày mùa xuân năm Canh Tý, tức năm 40 sau Công nguyên trên cửa sông Hát^(*) (thuộc Hà Nội) nghĩa quân bạt ngàn đứng kín cả các cánh bãi bồi, dưới sông neo dài những đoàn chiến thuyền với những chiến binh tay rìu tay giáo đang đứng tề chỉnh mắt hướng về đàn tế dựng giữa trung quân. Trong tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng ngựa hí, voi rống vang động. Hai Bà Trưng làm lễ tế cáo trời đất, ra quân giết giặc cứu nước.

^{*} Tức sông Đáy bây giờ.

Trước đó, có người khuyên Trưng Trắc mặc tang phục để làm lễ xuất quân. Nhưng Trưng Trắc đã khẳng khái trả lời: “*Mặc áo tang sẽ làm mất nhuệ khí binh sĩ*”. Trong bộ giáp binh sáng lấp lánh, Trưng Trắc long trọng thề:

*“Một xin rửa sạch nước nhà,
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kéo oan ức lòng chồng,
Bốn xin vền vẹn sở công lênh này.”*

(Thiên Nam Ngũ Lục - Sử ca dân gian thế kỷ XVII)



Sau đó Hai Bà cầu xin sự phù hộ của các vua Hùng rồi lên voi trận dẫn đầu đoàn quân khởi nghĩa tiến thẳng về huyện lỵ Mê Linh. Các tướng của Hai Bà cũng chia nhau, dẫn quân bao vây huyện lỵ theo nhiều hướng khác.





Mê Linh lúc ấy là nơi đóng trụ sở của Đô úy, cơ quan chỉ huy quân sự trong vùng của giặc Hán. Bị bất ngờ, quân Hán hoàn toàn bị động. Thoắt chốc huyện lỵ Mê Linh ngập chìm trong biển người. Nhân dân trong huyện nổi dậy cùng nghĩa quân phá tan mọi đồn binh của giặc, làm chủ huyện sở.

Lấy được Mê Linh, Hai Bà Trưng thừa thắng kéo quân tiến thẳng về thành Luy Lâu, trị sở đầu não của giặc Hán, đại bản doanh của Tô Định. Thành nằm trên bờ sông Dâu rất kiên cố bởi quân giặc bắt dân từ nhiều nơi trong vùng về đào hào sâu, đắp lũy cao để bảo vệ.





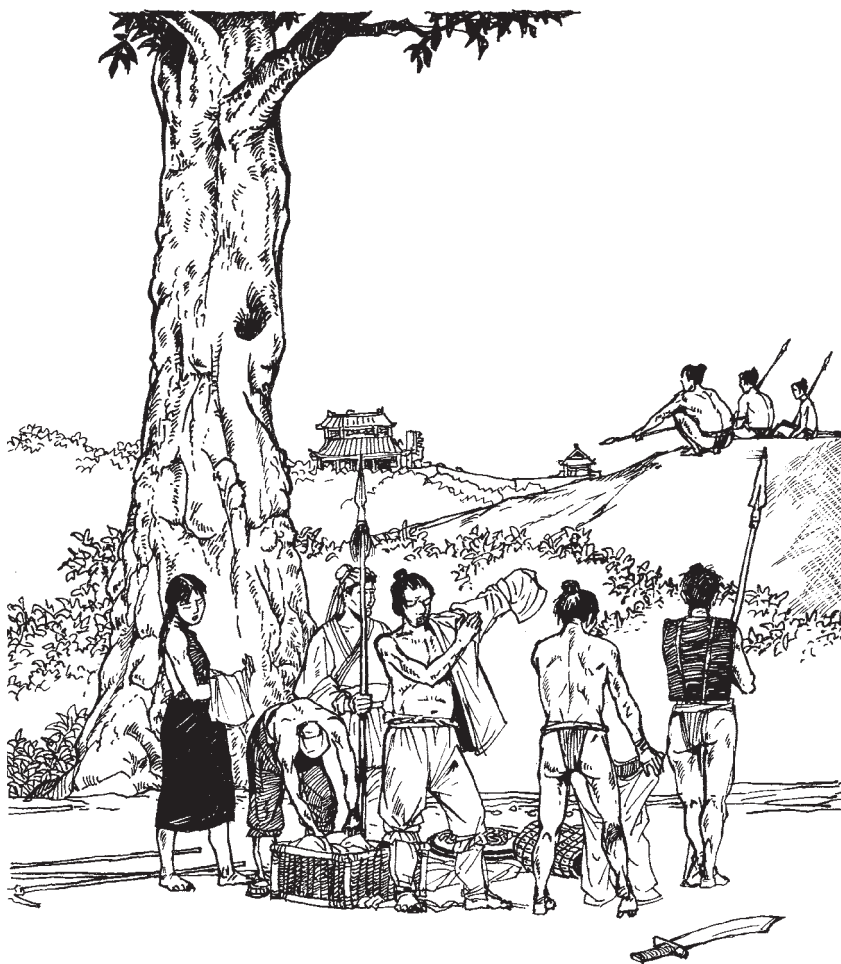
Trong thành có nhiều trại quân, tàu ngựa, kho lương, kho cỏ cho ngựa... ngày đêm quân lính thay nhau tuần tiễu quanh thành. Trên sông, thuyền giặc đi lại tuần thám. Việc phòng bị thành vô cùng cẩn mật.



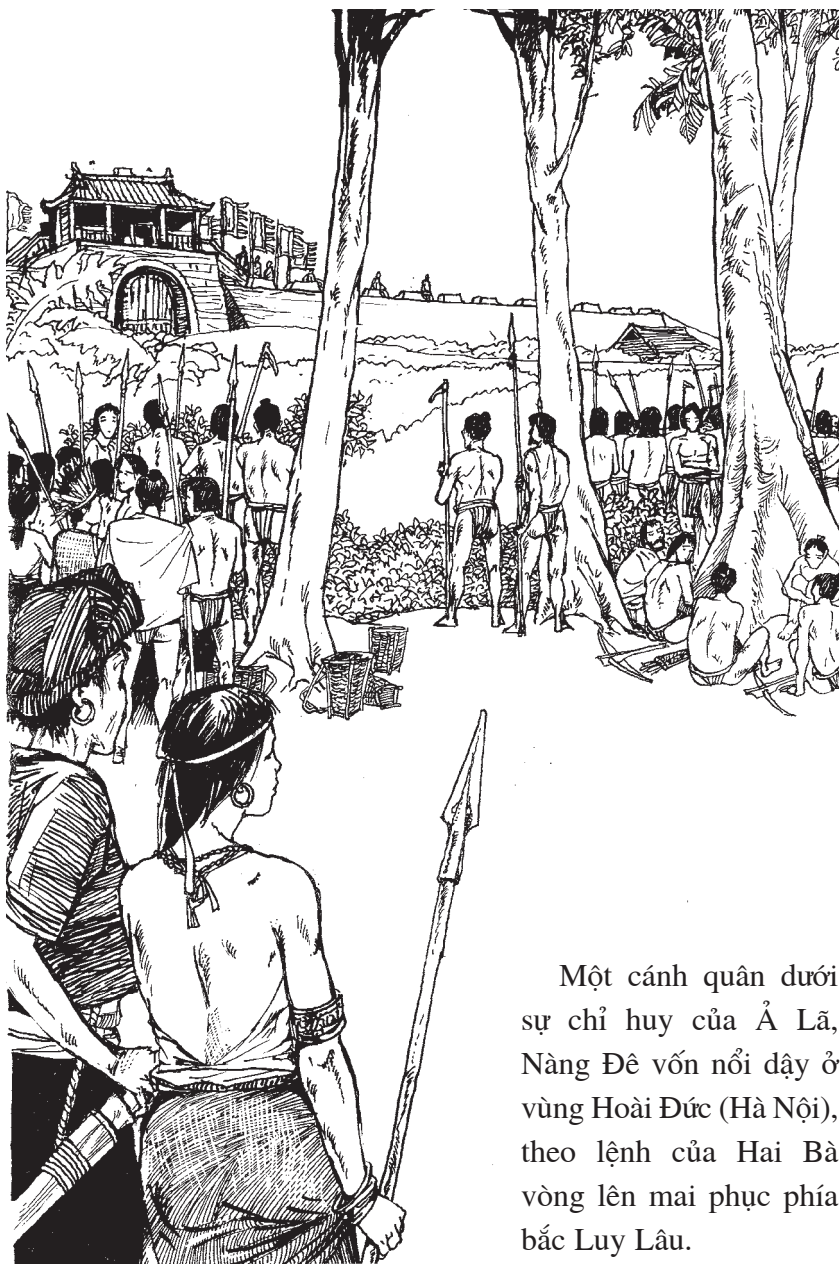
Trên đường tiến quân từ Long Biên về Luy Lâu, nghĩa quân đã nhanh chóng đánh chiếm Cổ Loa, tiêu diệt cứ điểm phòng thủ quan trọng của giặc Hán và chặn đứt lực lượng tiếp ứng cần thiết của Luy Lâu.



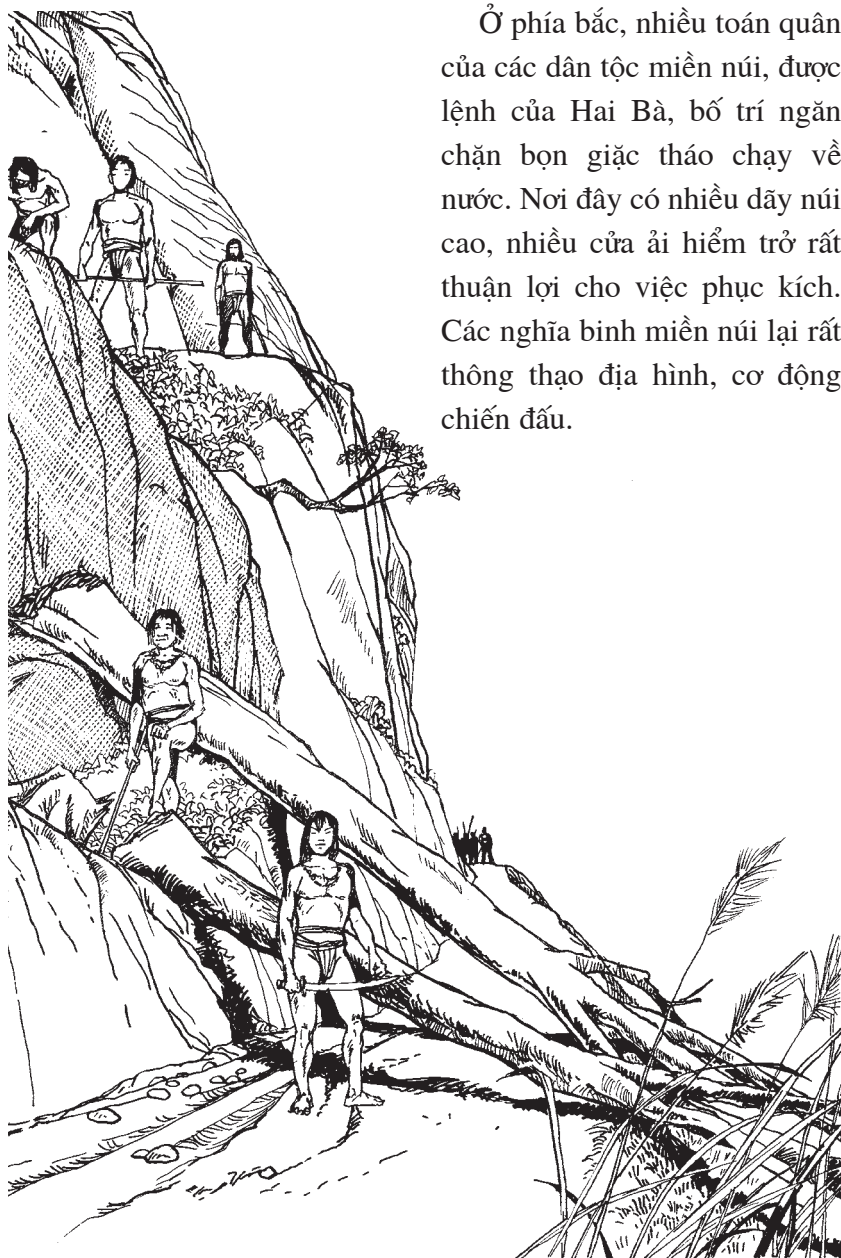
Từ Cổ Loa, Hai Bà chia quân làm nhiều cánh. Một cánh do tướng Sa Lương chỉ huy, dùng thuyền nhẹ ngược sông Đuống để qua sông Dâu. Trên đường hành quân, thuyền của nghĩa quân luôn lách trong các khe nước, nhánh sông nhỏ, tránh giao chiến với thuyền giặc, bí mật áp sát chân thành Luy Lâu.



Đội nữ binh của nữ tướng Phùng Thị Chính vùng đất Ba Vi được Hai Bà giao nhiệm vụ cho người cải trang thành quân Hán bí mật trà trộn vào trong thành để dò la các vị trí và tình hình quân giặc sau đó sẽ đánh vào phía tây Luy Lâu.



Một cánh quân dưới sự chỉ huy của Ả Lã, Nàng Đê vốn nổi dậy ở vùng Hoài Đức (Hà Nội), theo lệnh của Hai Bà vòng lên mai phục phía bắc Luy Lâu.



Ở phía bắc, nhiều toán quân của các dân tộc miền núi, được lệnh của Hai Bà, bố trí ngăn chặn bọn giặc tháo chạy về nước. Nơi đây có nhiều dãy núi cao, nhiều cửa ải hiểm trở rất thuận lợi cho việc phục kích. Các nghĩa binh miền núi lại rất thông thạo địa hình, cơ động chiến đấu.

Nghĩa quân của Hai Bà Trưng ngày càng khép chặt vòng vây quanh thành Luy Lâu. Tô Định đã mấy lần cho các đội quân tinh nhuệ mở đường máu về nước xin cứu viện nhưng đều thất bại. Tô Định ngày nào còn hung hăng hống hách, giờ đây trở nên vô cùng khiếp sợ. Đống của cải châu báu ăn cướp được chưa kịp chuyển về nước nằm lù lù trước mặt khiến y thêm tiếc của, càng cố gắng, tuyệt vọng.



Bất chợt có tiếng trống đồng vang rền từ bốn phía thành Luy Lâu, rồi tiếng hò reo vang dậy. Như nước vỡ bờ, nghĩa quân Hai Bà ào ạt tiến lên mặt thành tràn vào bên trong, mở đầu cuộc tiến công thành Luy Lâu.





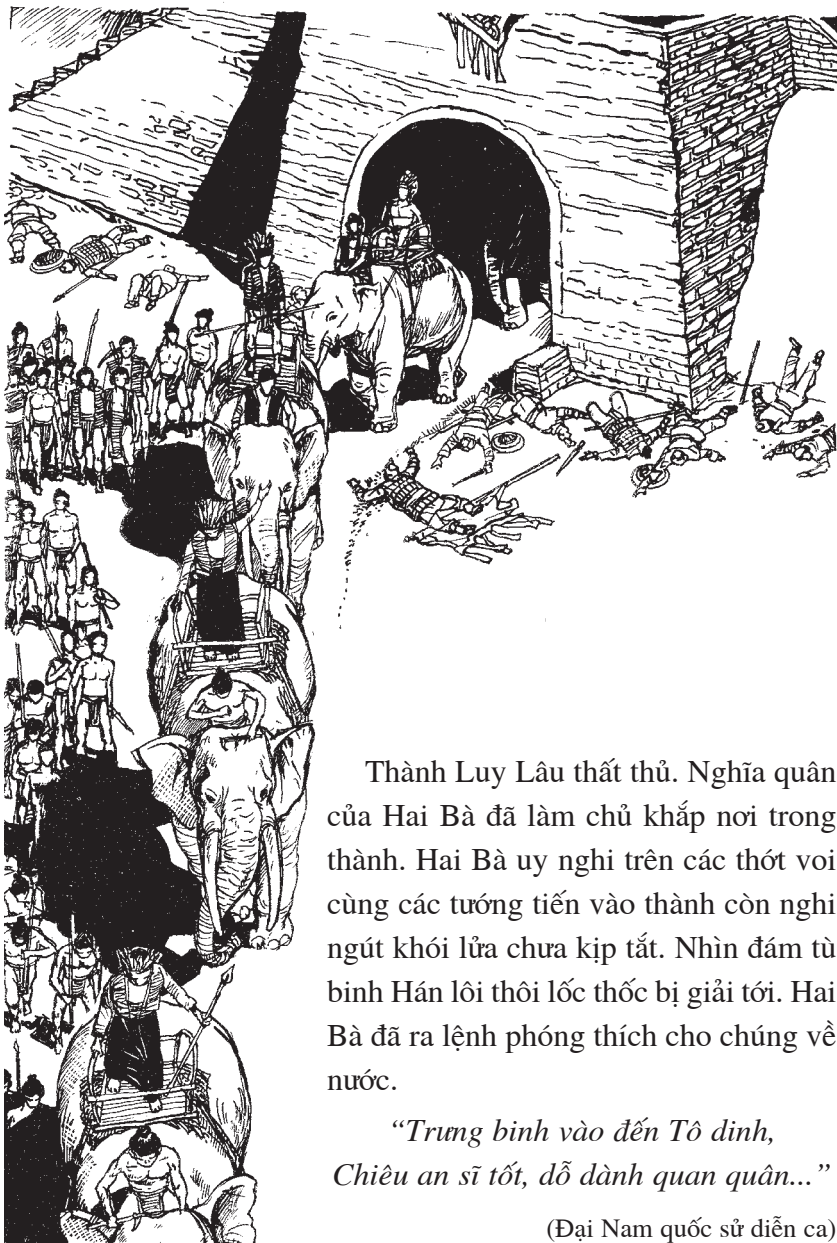
Các kho lương, kho cỏ ngựa bốc cháy ngùn ngụt, khói lửa mù mịt, quân lính nhà Hán nhốn nháo hỗn loạn, mạnh ai nấy chạy, tìm đường tháo thân. Người ngựa dẫm đạp lên nhau, tiếng kêu khóc vang trời dậy đất.



Tại dinh Thái thú, Tô Định loay hoay mãi trước đồng của cải. Bọn lính hầu đã bỏ chạy sạch. Tiếng quân khởi nghĩa reo hò mỗi lúc một gần. Tô Định hốt hoảng không dám nấn ná, vội vã cắt bỏ râu tóc, cải trang rồi thay đổi y phục trốn ra khỏi thành, lén nhanh vào đám loạn quân.

Quân Hán nhằm hướng bến sông Dâu cố mở đường thoát thân. Nhưng những chiến thuyền của quân Hán đã bị thủy quân do tướng Sa Lương chỉ huy phục kích đốt cháy. Đám tàn quân đành nhảy ào xuống nước cố bơi sang bờ bên kia để chạy về phương bắc. Nước sông chảy xiết cuốn trôi nhiều xác giặc.

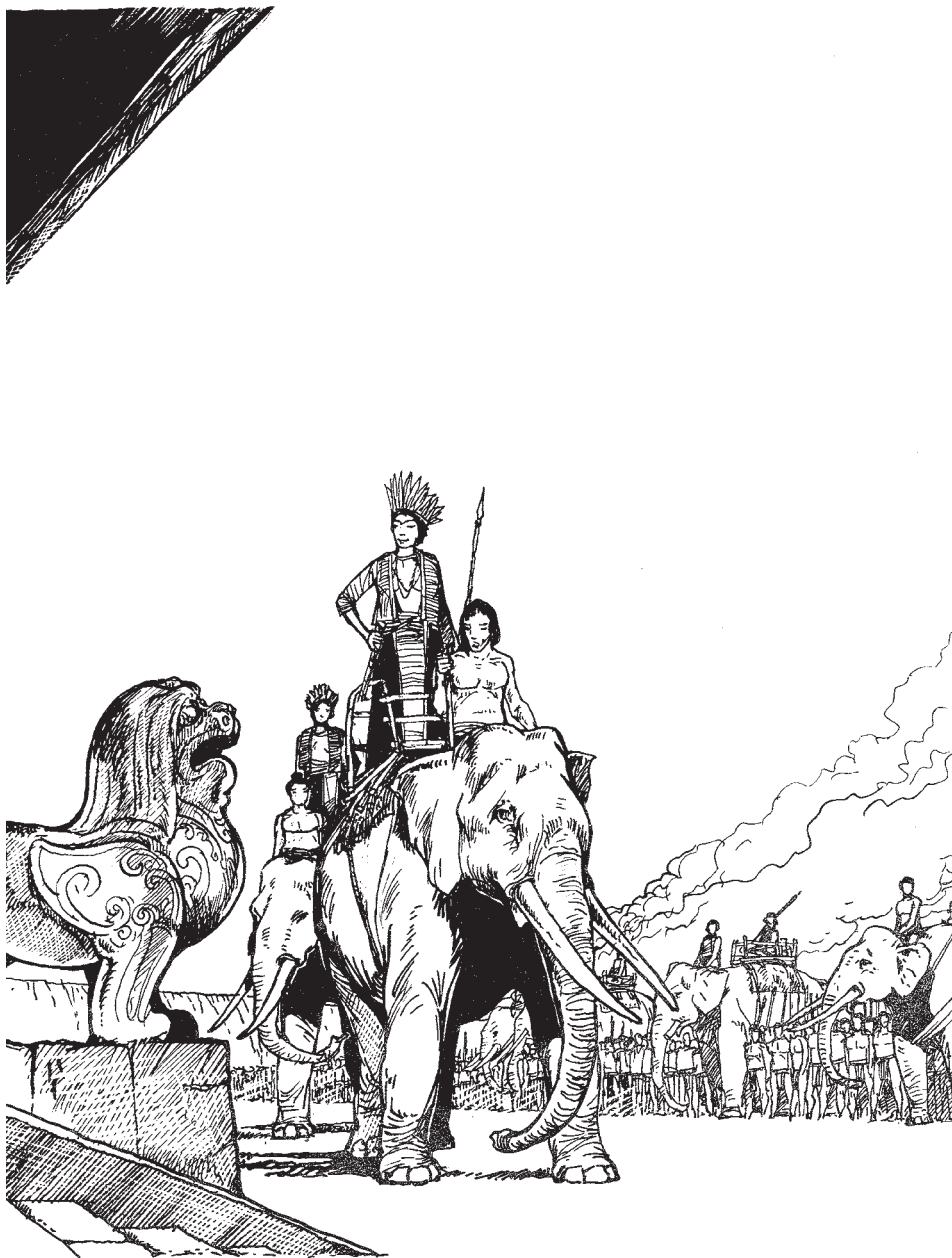




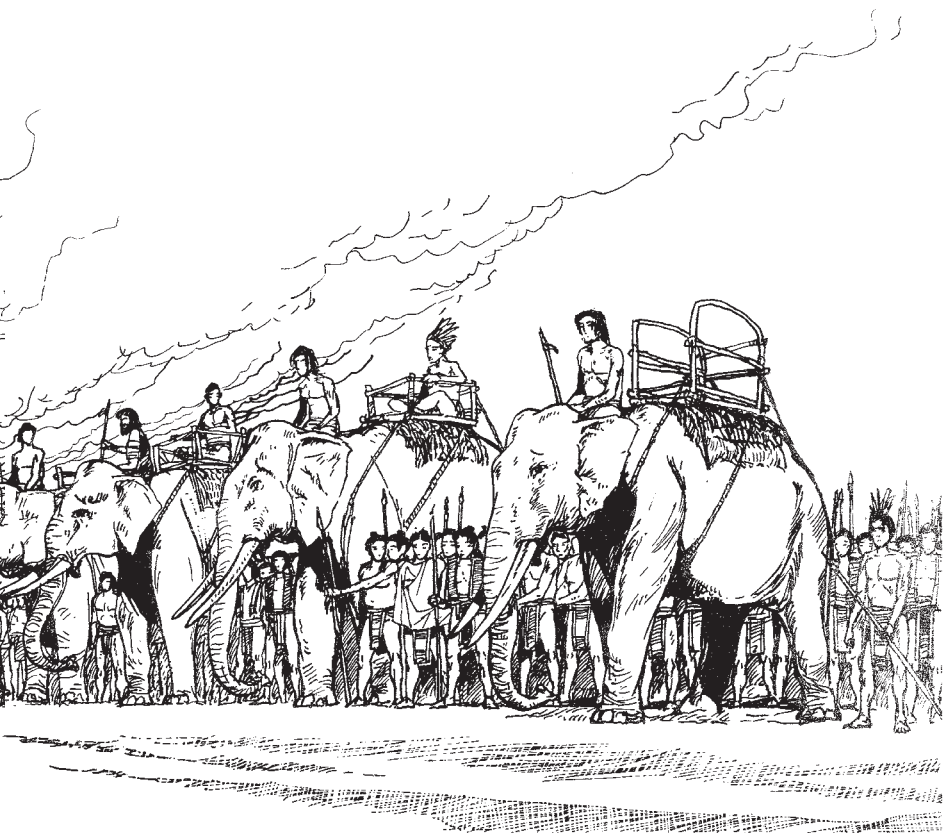
Thành Luy Lâu thất thủ. Nghĩa quân của Hai Bà đã làm chủ khắp nơi trong thành. Hai Bà uy nghi trên các thớt voi cùng các tướng tiến vào thành còn nghi ngút khói lửa chưa kịp tắt. Nhìn đám tù binh Hán lòi thoi lốc thốc bị giải tới. Hai Bà đã ra lệnh phóng thích cho chúng về nước.

*“Trung binh vào đến Tô dinh,
Chiêu an sĩ tốt, dỡ dành quan quân...”*

(Đại Nam quốc sử diễn ca)



Thành Luy Lâu bị hạ, Tô Định trốn chạy nhục nhã, chính quyền đô hộ của nhà Hán trên đất Âu Lạc cũ bị sụp đổ hoàn toàn. Cuộc khởi nghĩa dấy lên từ đất Mê Linh được từ dân chúng cho đến các quý tộc Lạc Việt khắp nơi hưởng ứng rầm rộ, nổi dậy san bằng các trị sở, đánh đuổi quan quân nhà Hán tháo chạy. Sử cũ chép rằng: *“Trung Trắc Trưng Nhị hô một tiếng mà các quận Cửu Nhân, Nhật Nam, Hợp Phố và 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng...”* (Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu).





Chỉ chưa đầy một tháng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã giành hoàn toàn thắng lợi. Nhân dân Âu Lạc vui mừng, cùng các Lạc tướng suy tôn Trưng Trắc làm vua. Kinh đô đóng tại Mê Linh, nơi đất cũ cội nguồn của các vua Hùng thừa trước.

*“Đô kỳ đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta...”*

(Đại Nam Quốc sử diễn ca)

Một trong những việc đầu tiên của chính quyền Trung vương là xuống lệnh miễn thuế cho nhân dân trong hai năm. Sau bao năm cơ cực đói nghèo dưới ách thống trị của giặc Hán, nghe lệnh miễn thuế, trăm họ đều vui mừng phấn khởi.





Về chính quyền Trung vương, các sử cũ không ghi chép được nhiều, chỉ biết rằng Bà Trưng đã tổ chức quản lý đất nước theo truyền thống tập tục truyền lại từ thời các vua Hùng. Một số lạc tướng trở lại tham gia quyền binh. Các tập tục ứng xử, sinh hoạt của người Việt như ăn ở, cưới xin, tang ma... được khôi phục. Vai trò của người phụ nữ trong xã hội lại được xem trọng.

Chính quyền Trung vương cũng rất chú trọng đến việc phòng thủ đất nước, đề phòng nguy cơ trở lại xâm lược của nhà Hán. Theo các thần tích, thần phả thì Bà Trưng đã bố trí một tuyến phòng thủ phía Bắc do nữ tướng Thánh Thiên của đạo tiền quân gồm phần lớn quân lính là người của các dân tộc vùng núi phía bắc đồn trú và quản lý.

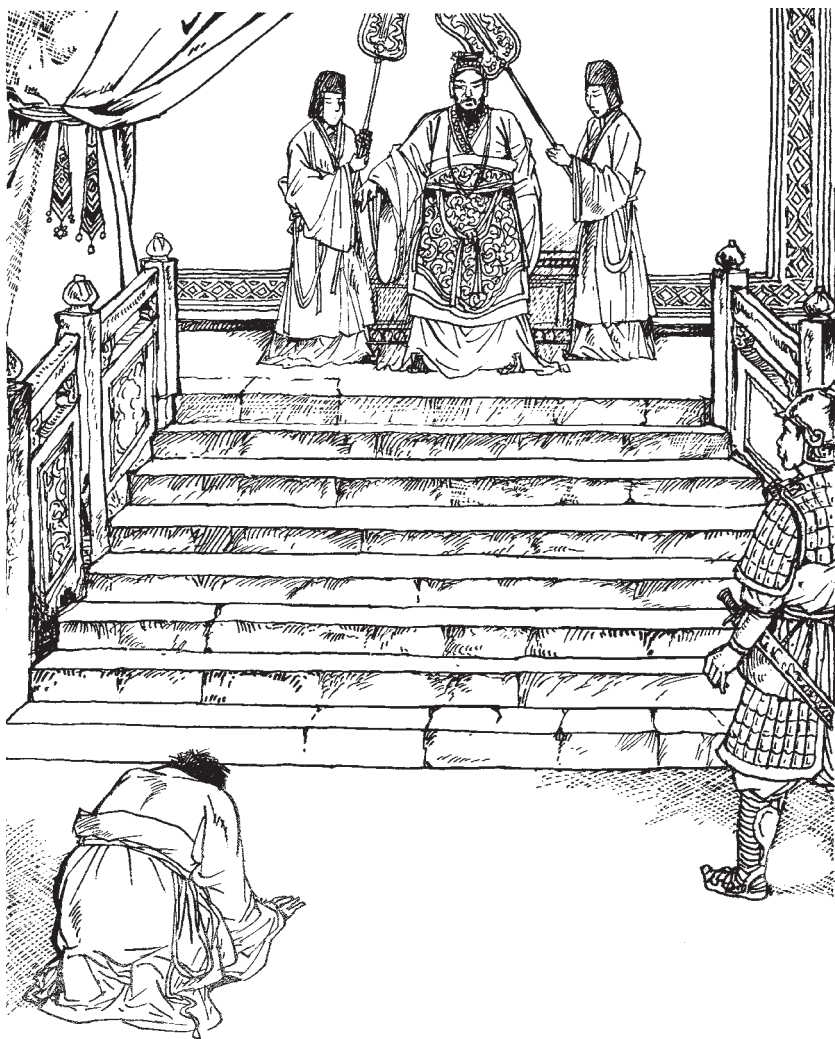


Tuyến phòng thủ ở phía đông, đông bắc cũng được bố trí cẩn mật. Các quân lý đồn trú dưới sự chỉ huy của bà Lê Chân vừa khai khẩn đất hoang lập làng xã, vừa lo việc canh phòng tập luyện. Vùng đất Hải Phòng ngày nay chính là do quân lính của bà Lê Chân khai khẩn và tạo dựng từ thửa xa xưa.





Đất nước sau hơn hai trăm năm bị đô hộ giờ đây đang trở lại cuộc sống thanh bình. Ruộng lạc lại theo nước triều lên xuống mà canh tác, gieo trồng, cây trái sum sê, nương lúa bãi dâu xanh tốt. Làng chạ khắp nơi vang tiếng dẹt củi xa quay; gái trai lại hát đối đáp trong tiếng giã cối, tiếng trống, tiếng chiêng rộn ràng. Bèn vò rượu cần, các bô lão kể lại chuyện Hai Bà Trưng dấy nghĩa trong ánh lửa bập bùng...



Đất Giao Chỉ tách khỏi nhà Hán trở lại là nước độc lập khiến vua Hán là Hán Quang Vũ vô cùng cay đắng. Tức tối vì mộng bành trướng xuống các nước phía nam bị cuộc nổi dậy của nhân dân Âu Lạc dập tan; lại nhìn thấy Tô Định tả toai trốn về, râu tóc cụt lủn, mất cả uy thế của “thiên triều”, vua Hán rắp tâm phục hận.



Mặc dù nước Hán lúc ấy đang có nhiều cuộc nổi dậy của nông dân nhưng vào năm Kiến Vũ thứ 17 (năm 41 sau Công nguyên) chưa đầy một năm sau ngày thất bại ở Giao Chỉ, Hán Quang Vũ đã ra lệnh gấp rút chuẩn bị ngựa xe, lương thảo, thuyền chiến, vũ khí và tập trung binh lực để chuẩn bị tiến đánh Giao Chỉ.

Vào đầu năm 42 sau Công nguyên, vua Hán lại xuống chiếu phong Mã Viện làm Phục ba Tướng quân và Lưu Long làm Phó tướng cùng Đoàn Chí làm Lâu thuyền Tướng quân cầm đầu hai đạo thủy bộ tập kết quân tại Hợp Phố (nay thuộc Quảng Tây, Trung Quốc). Khi Đoàn Chí bị bệnh chết, Mã Viện được giao thống lĩnh cả hai đạo quân. Viên tướng già 56 tuổi từng trải, nổi tiếng gian hiểm, lại có nhiều kinh nghiệm đàn áp các cuộc nổi dậy của nông dân Hán nên được vua Hán rất tin dùng.

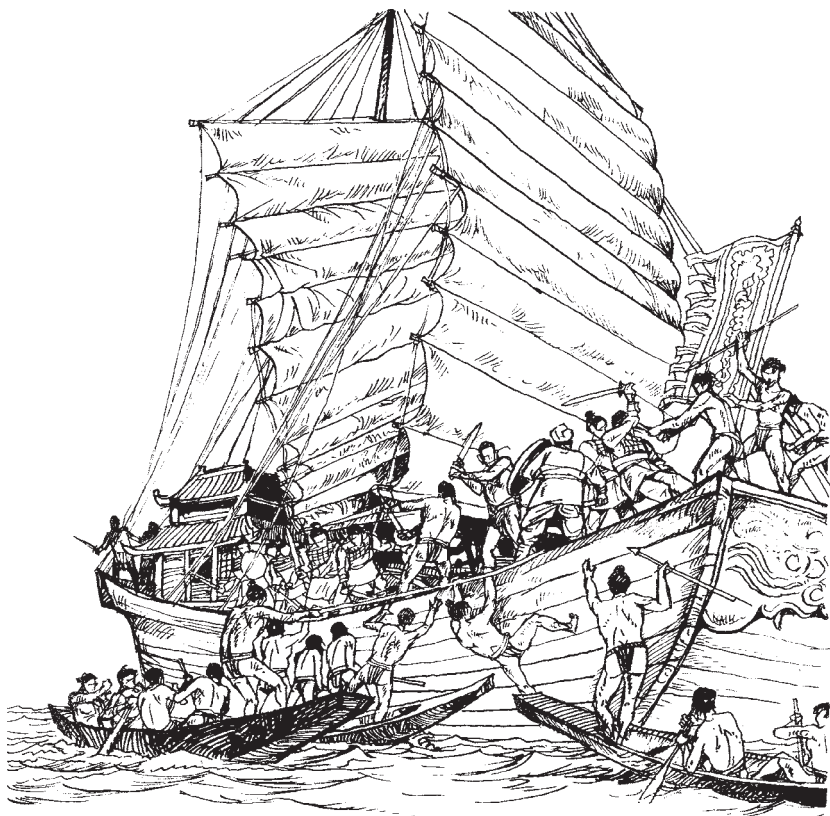




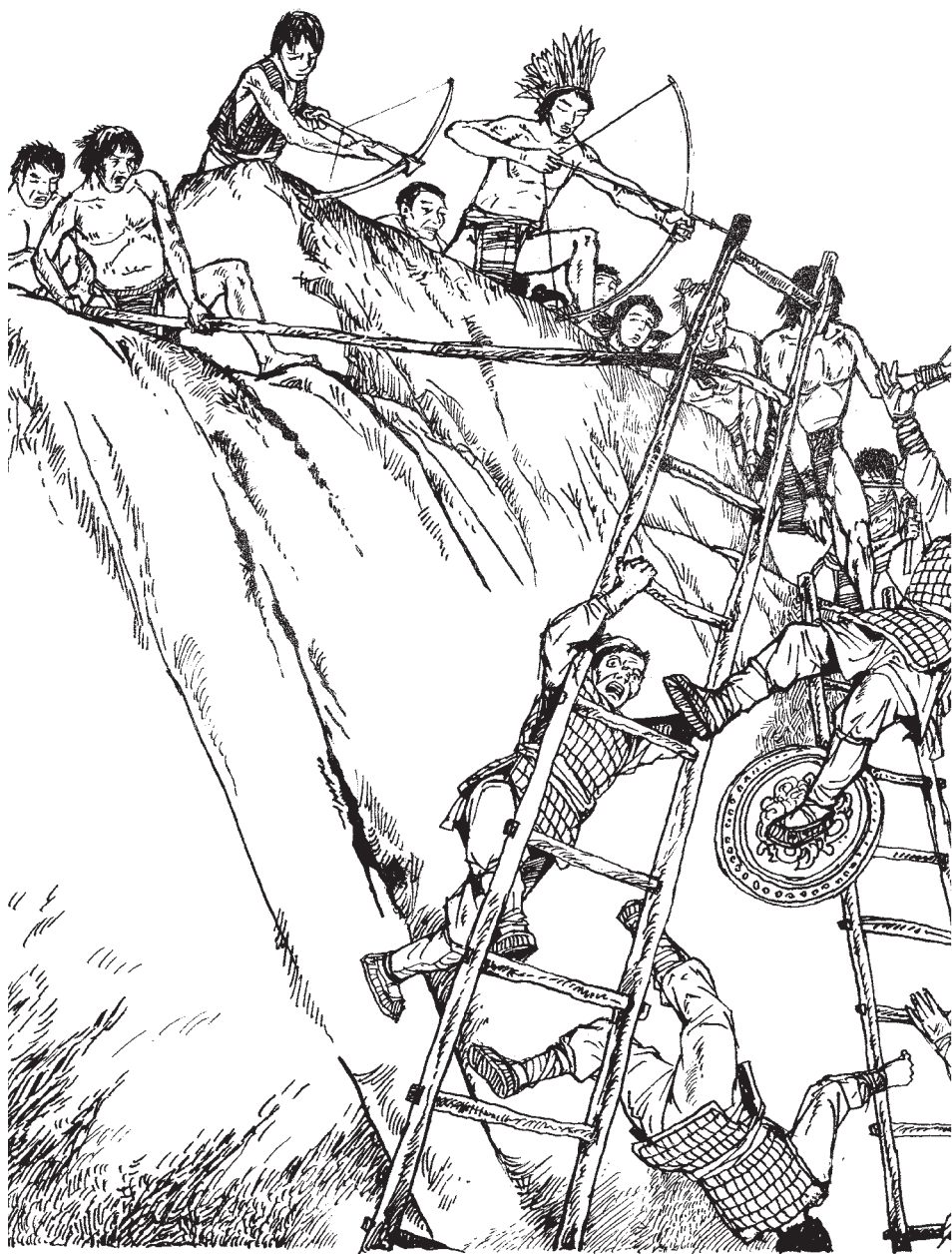
Giữa năm 42 sau Công nguyên, đội quân chinh phạt của nhà Hán gồm hơn hai vạn tên và 2.000 thuyền, xe từ Hợp Phố hùng hùng hổ hổ tiến vào bờ cõi nước ta. Sử cũ chép rằng: “*Quân của Mã Viện ven theo biển mà tiến, phát cây rừng mở đường đi hơn nghìn dặm...*” (Hậu Hán thư).

Các cánh quân phòng thủ vùng đông bắc phần lớn là người dân tộc, thông thạo địa hình, giỏi luồn rùng trèo núi, chia nhau mai phục những đoạn hiểm yếu tập kích vừa làm tiêu hao quân giặc vừa làm chậm bước tiến quân của chúng.





Trong khi đó, cánh quân thủy của Mã Viện men theo bờ biển tiến vào Giao Chỉ cũng gặp phải sự chống cự quyết liệt của các cánh quân do nữ tướng Lê Chân và Bát Nàn chỉ huy. Vì thế, sau mấy tháng tiến quân khó nhọc, hai cánh quân thủy bộ của Mã Viện mới hội được với nhau để cùng tiến sâu vào đất Giao Chỉ.



Không để quân giặc vào được Mê Linh, Hai Bà Trưng đã chủ động dàn quân chặn đánh giặc ở Cổ Loa. Quân Hán nhiều lần công kích đều bị quân Hai Bà Trưng đánh bật ra. Dân binh các làng bên ngoài thành đều tham gia chiến đấu bảo vệ làng, bảo vệ thành khiến quân Hán bị tiêu hao nhiều sinh lực.





Không dám đóng quân bên ngoài Cổ Loa, Mã Viện kéo quân về Lãng Bạc nằm ở đông bắc Cổ Loa (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Đây là vùng gò đồi xung quanh là đồng trũng, hồ sâu lại có sông, có thể xây dựng thành một căn cứ quân sự quan trọng. Biết chưa thể đánh ngay được Mê Linh, Mã Viện thay đổi chiến thuật, chuyển sang phòng thủ củng cố lực lượng chờ thời cơ.

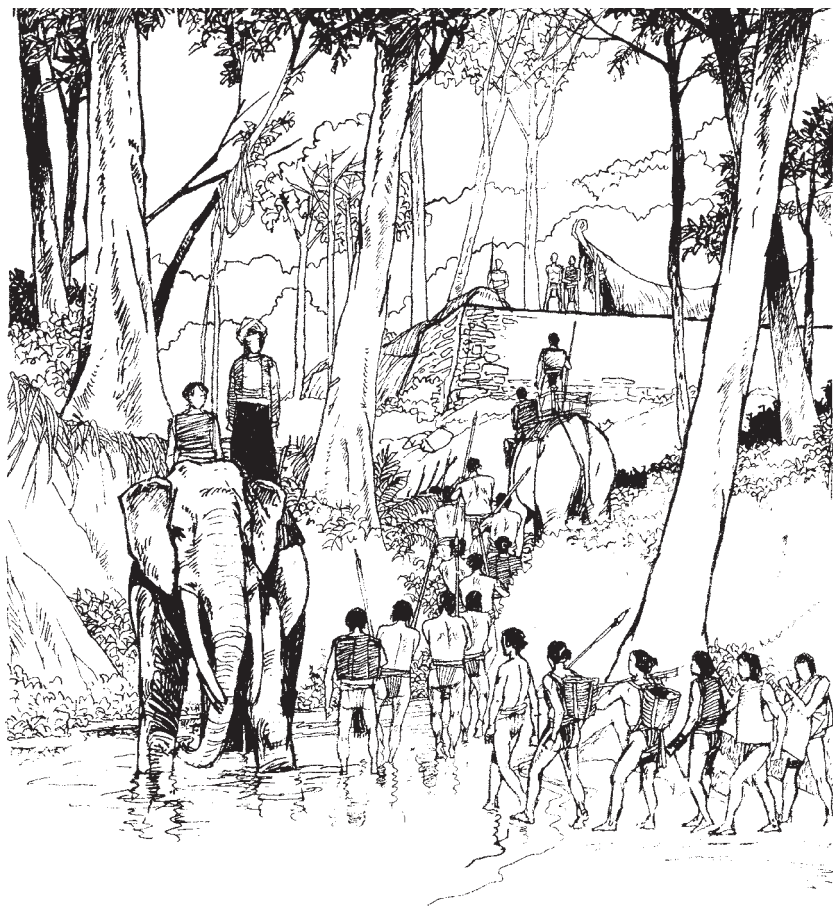
Lúc này thời tiết đã vào hè, khí trời nóng bức, lính Hán ốm đau rất nhiều, lại bị quân binh Hai Bà liên tục tập kích nên tinh thần sa sút. Chính Mã Viện nhiều lúc tỏ ra hoang mang lo ngại. Có lần y đã than thở: *“Dưới thì nước lụt, trên thì mây mù, khí độc bốc lên ngùn ngụt, trông lên thấy điều hâu đang bay bổng sa xuống nước chết, nằm nghĩ đến lời Thiệu Du(*) mới thấy là chí lý...”* (Hậu Hán thư).

* Thiệu Du là em họ Mã Viện đã từng khuyên y: *“Ham giàu sang thích công danh sự nghiệp là tự mình làm khổ mình...”*



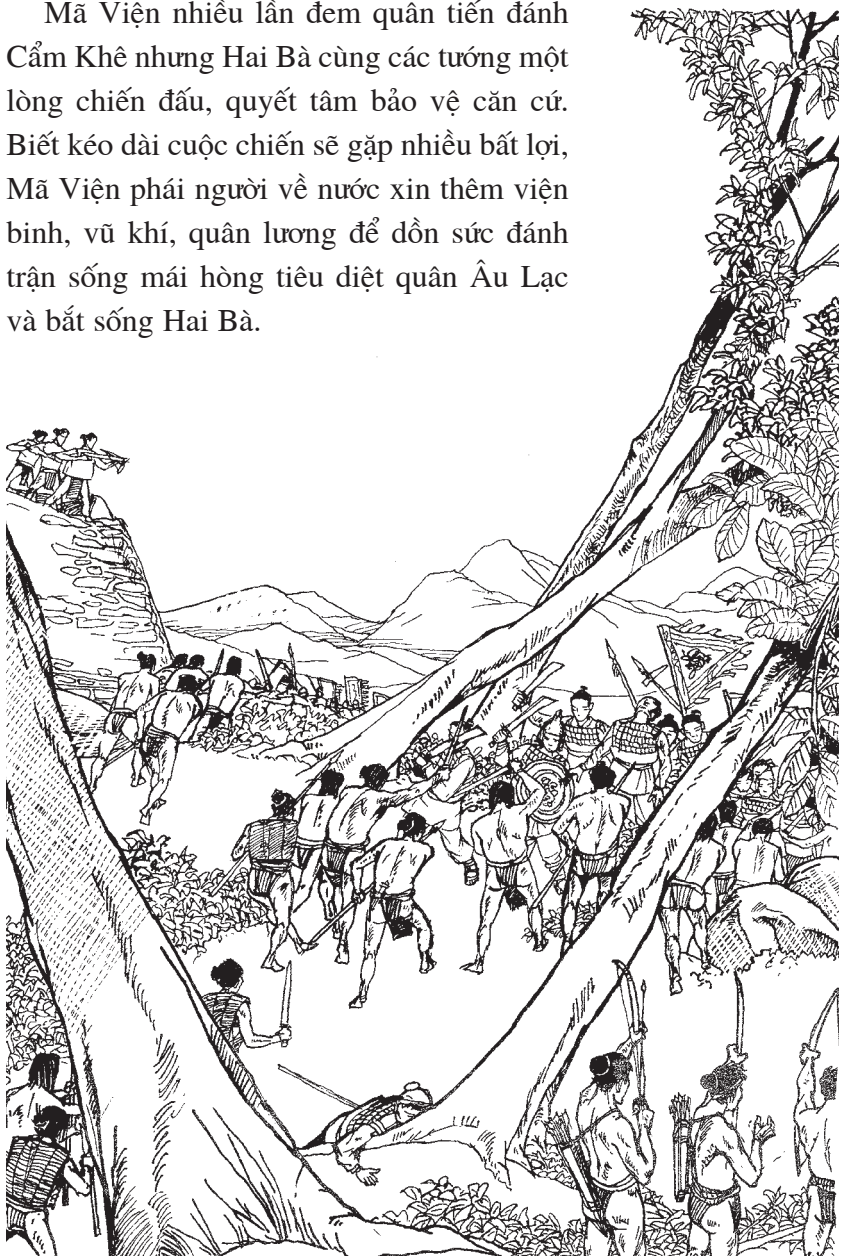
Không để Mã Viện có đủ thời gian củng cố lực lượng, Hai Bà Trưng quyết định mở cuộc tiến công lớn vào Lãng Bạc. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt. Nhưng vì lực lượng ít ỏi, lại chưa quen cách đánh dàn thế trận giữa ban ngày nên không tiêu diệt được Mã Viện cùng lực lượng chủ chốt của giặc. Hai Bà phải rút lui về Cẩm Khê (nay thuộc Hà Nội).





Đây là một vùng thung lũng hiểm trở, có đôi núi sông suối án ngữ tạo nên thành lũy tự nhiên. Cẩm Khê lại có nhiều ngã đường thông thương với vùng đồng bằng sông Hồng cũng như vào tận Cửu Chân. Một mặt Cẩm Khê giáp với Mê Linh, quê hương của Hai Bà. Bởi vậy, Hai Bà cùng nghĩa quân ngày đêm xây dựng nơi đây thành căn cứ kháng chiến.

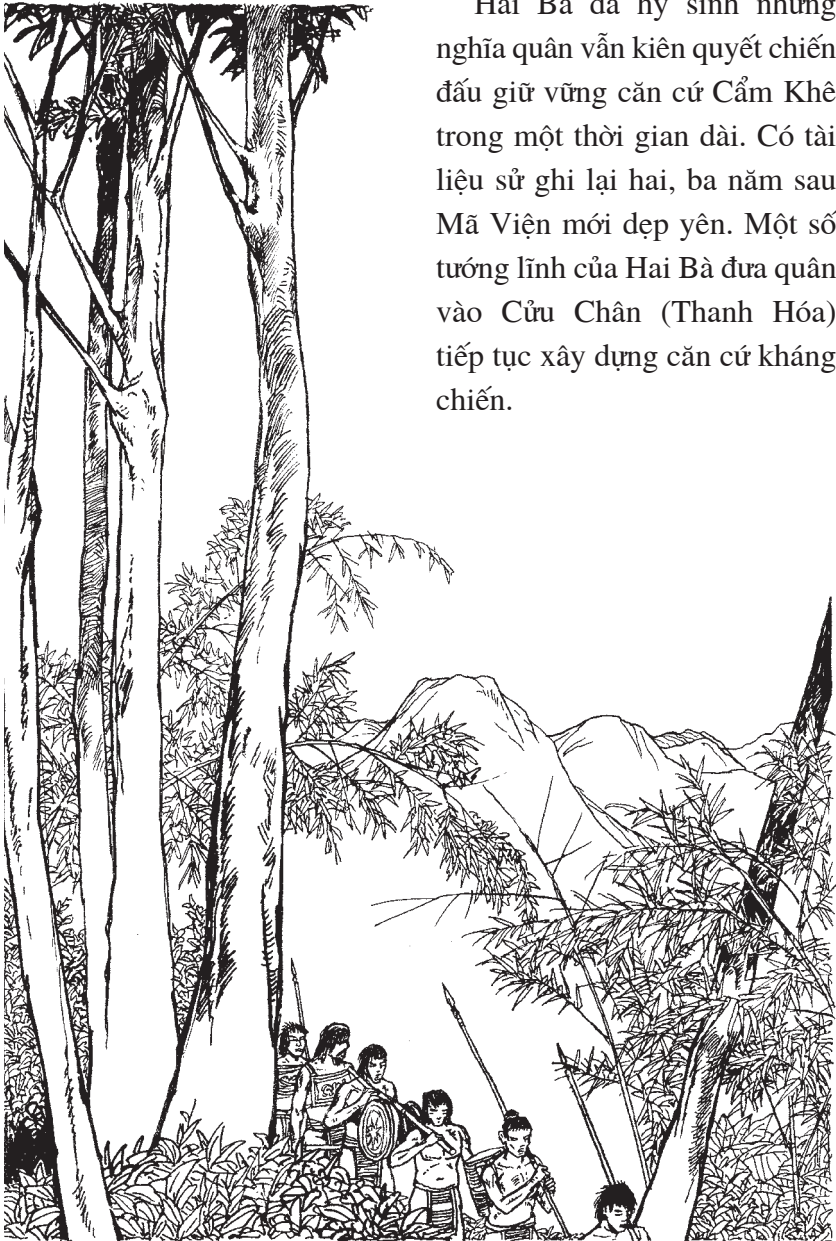
Mã Viện nhiều lần đem quân tiến đánh Cẩm Khê nhưng Hai Bà cùng các tướng một lòng chiến đấu, quyết tâm bảo vệ căn cứ. Biết kéo dài cuộc chiến sẽ gặp nhiều bất lợi, Mã Viện phái người về nước xin thêm viện binh, vũ khí, quân lương để dồn sức đánh trận sống mái hòng tiêu diệt quân Âu Lạc và bắt sống Hai Bà.



Giữa năm 43, Mã Viện bao vây căn cứ Cẩm Khê. Cuộc chiến đấu lần này trở nên ác liệt, nghĩa quân chịu nhiều tổn thất lớn lao. Trong một trận đánh vào ngày 6 tháng 3 năm Quý Mão (43), liệu thế không địch nổi quân Hán, không chịu để sa vào tay giặc, Hai Bà đã nhảy xuống sông Hát tự vẫn, bảo toàn khí tiết.



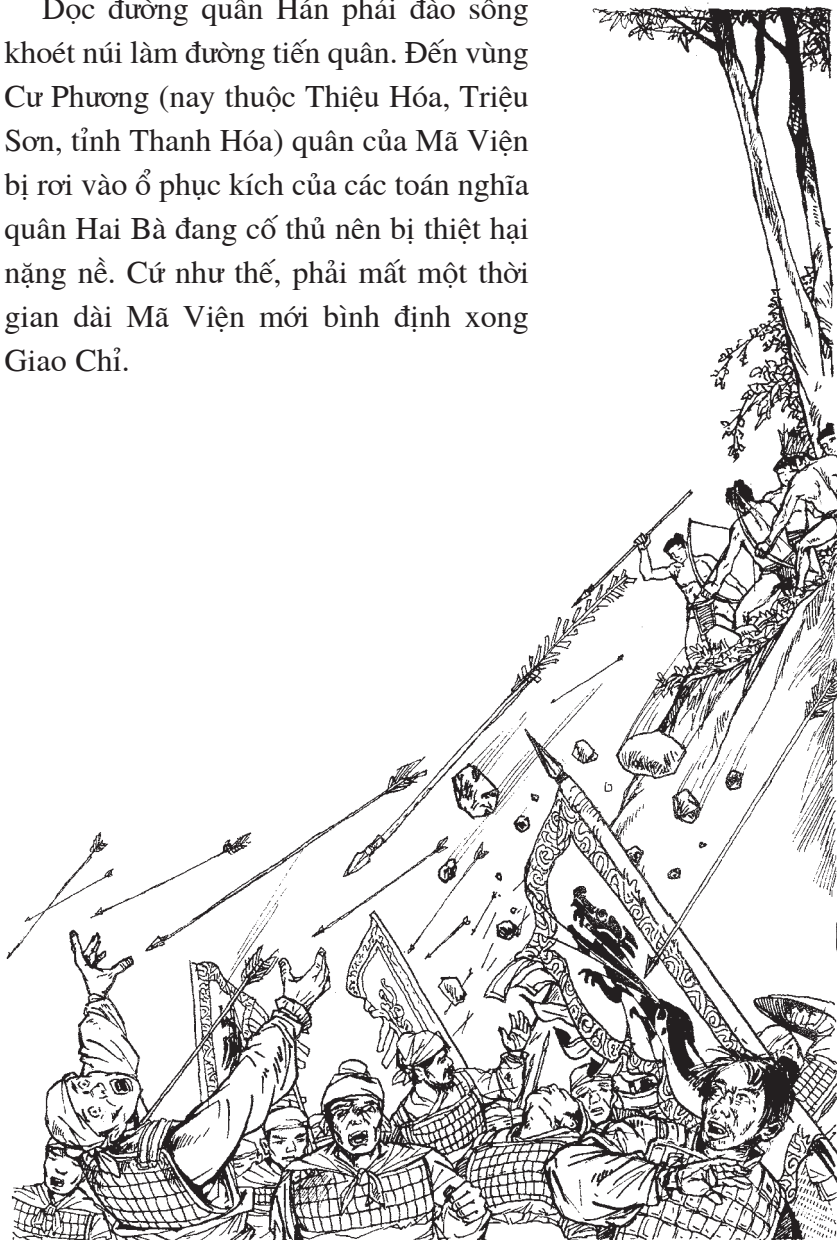
Hai Bà đã hy sinh nhưng nghĩa quân vẫn kiên quyết chiến đấu giữ vững căn cứ Cẩm Khê trong một thời gian dài. Có tài liệu sử ghi lại hai, ba năm sau Mã Viện mới dẹp yên. Một số tướng lĩnh của Hai Bà đưa quân vào Cửu Chân (Thanh Hóa) tiếp tục xây dựng căn cứ kháng chiến.



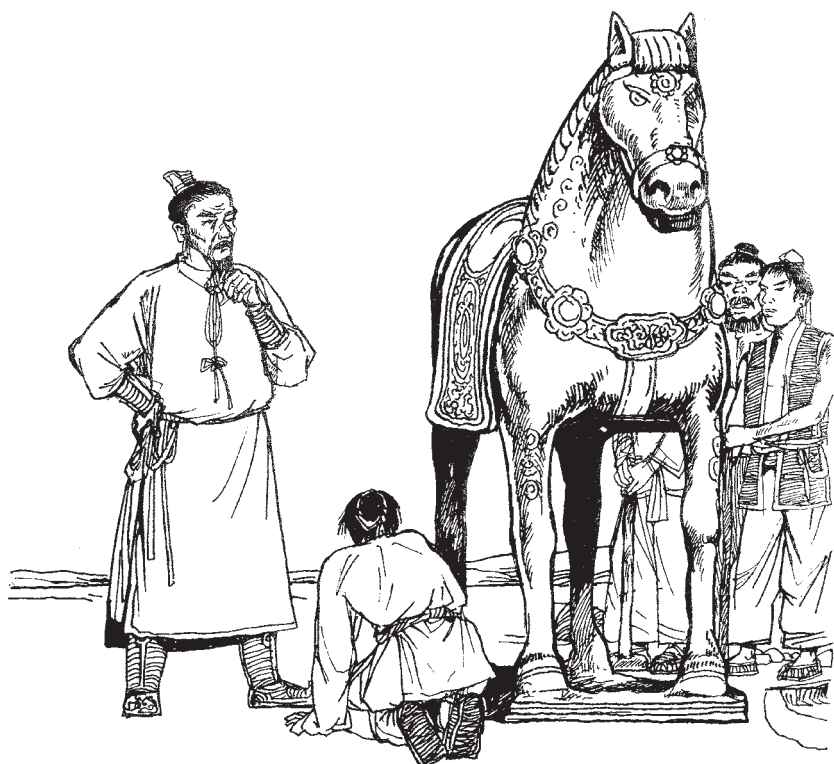


Tháng 11 năm Quý Mão (43), Mã Viện lại đem đại quân cùng chiến thuyền chia hai đường thủy bộ tiến vào miền Cửu Chân để truy kích nghĩa quân của Hai Bà. Quân giặc đi đến đâu, triệt hạ làng xóm, giết hại dân thường vô số kể. Sử cũ chép rằng: “Viện đem lâu thuyền lớn bé hơn 2000 chiếc, binh lính hơn hai vạn, tiến đánh dư đảng của Trưng Trắc ở Cửu Chân... chém giết bắt bớ hơn năm ngàn người...” (Mã Viện truyện trong Hậu Hán thư).

Dọc đường quân Hán phải đào sông khoét núi làm đường tiến quân. Đến vùng Cư Phương (nay thuộc Thiệu Hóa, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa) quân của Mã Viện bị rơi vào ổ phục kích của các toán nghĩa quân Hai Bà đang cố thủ nên bị thiệt hại nặng nề. Cứ như thế, phải mất một thời gian dài Mã Viện mới bình định xong Giao Chỉ.



Tuy đã dim cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng trong bể máu và tiếp tục tổ chức bộ máy đô hộ tàn bạo, nhưng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và nhất là tiếng trống đồng của quân binh Âu Lạc không ngừng ám ảnh Mã Viện. Túc tối và hèn hạ, hắn cho cướp bóc nhiều trống đồng, đúc thành con ngựa để dâng lên vua Hán hòng xóa bỏ văn hóa Âu Lạc.



Mùa thu năm 44 Mã Viện thu quân về phương Bắc. Sử cũ chép rằng: “*Quân đi mười phần, quân về chỉ còn bốn năm phần....*” (Hậu Hán thư). Đó là cái giá phải trả của bọn xâm lược và cũng là bài học đầu tiên để chúng hiểu rằng: Một dân tộc, dù nhỏ bé cũng thà chết để giành độc lập chứ không chịu cam tâm làm nô lệ.





Tượng Hai Bà ở Đồng Nhân (Hà Nội)

Ảnh của Bảo tàng Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và nhân dân Âu Lạc tuy chỉ tồn tại trong thời gian ngắn ngủi nhưng đó chính là một bản anh hùng ca mở đầu cho cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta suốt trong mười thế kỷ chống bọn phong kiến phương Bắc. Để tưởng nhớ Hai Bà và các tướng lĩnh, nhân dân lập đền thờ ở nhiều nơi. Riêng Hai Bà có ba ngôi đền chính: Đền Hạ Lôi ở Yên Lãng (nay là huyện Mê Linh, Hà Nội), đền Hát Môn ở Phúc Thọ (Hà Nội) và đền Đồng Nhân ở quận Hai Bà Trưng (Hà Nội).

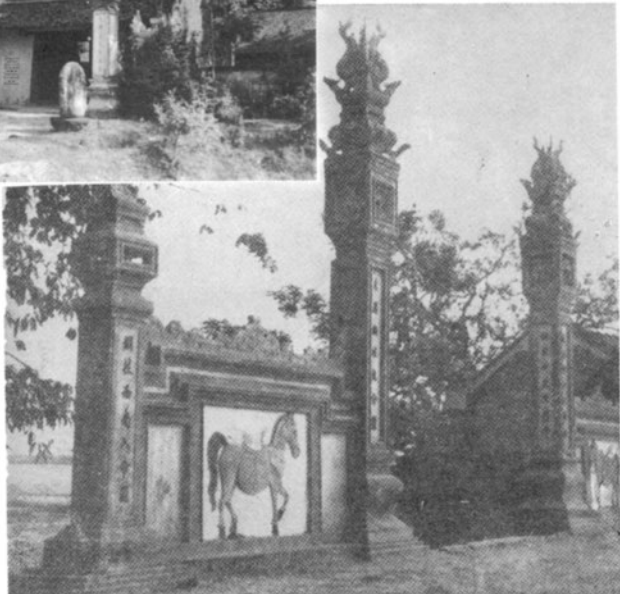
Đền Hạ Lôi, tương truyền là làm trên nền nhà cũ của Hai Bà. Hội mở vào ngày mồng 6 tháng giêng, theo truyền thuyết là ngày Hai Bà khao quân. Trung tâm hội là đám rước Hai Bà và Thi Sách do hàng trăm thanh nữ xinh đẹp, trang phục rực rỡ và hàng chục chàng trai trẻ khỏe mạnh vừa khiêng kiệu vừa hát đối đáp.



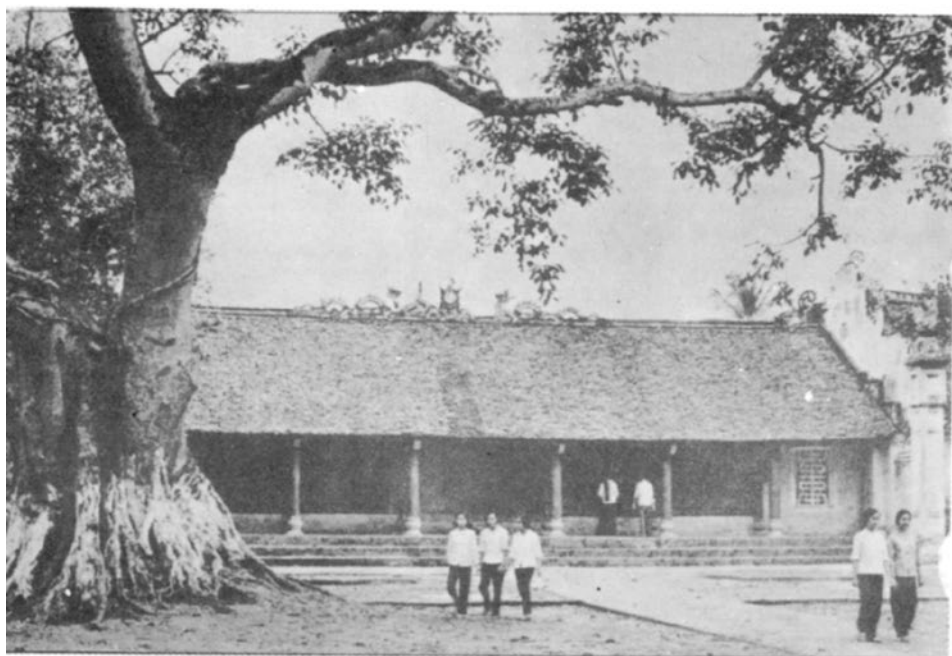


*Cổng đền thờ Hai Bà
tại Hát Môn*

Ảnh lấy từ sách Lịch sử Việt Nam tập 1
NXB. Khoa học Xã hội



Còn Hát Môn là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử thời Hai Bà Trưng. Bởi vậy, hội đền Hát Môn được tổ chức mỗi năm ba lần vào các ngày: mồng 8 tháng 3 âm lịch (ngày Hai Bà tuần tiết), mồng 4 tháng 9 âm lịch (ngày lập đàn thờ) và ngày 24 tháng chạp (ngày mừng chiến thắng). Ở lễ hội mồng 6 tháng 3 âm lịch, để nhắc nhở Hai Bà là dòng dõi Hùng vương, lễ cúng là 100 chiếc bánh trôi hình trứng chim tượng trưng cho các con của Âu Cơ và Lạc Long Quân. Sau đó 49 chiếc được bỏ vào hoa sen thả xuống sông Hát, tượng trưng cho những anh em của Hùng vương thứ nhất theo cha xuống biển.



Riêng đền Đồng Nhân được dựng lên theo một huyền thoại. Tương truyền, sau khi gieo mình xuống sông, Hai Bà hóa thành tượng đá rực sáng, nổi lên mặt nước trôi đi. Dân các làng đều ra khấn để đón về thờ nhưng tượng trôi đến làng Đồng Nhân (nay là Thanh Trì Hà Nội) mới dừng lại. Dân làng rước lên dựng đền thờ nơi bãi sông. Năm 1819, bãi sông bị lở, đền dời về Hoa Viên (nay là quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).





Ảnh của Phan Văn Kự

Lễ hội Hai Bà Trưng



Hội đền Đồng Nhân mở 4 ngày, từ ngày mồng 3 đến mồng 6 tháng 2 âm lịch nhưng chính hội là mồng 5, tương truyền là ngày dân làng đón tượng Hai Bà ở dưới sông lên. Vì thế hôm ấy dân làng tổ chức một đám rước kiệu linh đình. Đi đầu là đôi voi gổ do các trai tráng điều khiển, theo sau là hai cỗ kiệu do các cô gái chưa chồng, xinh đẹp được chọn từ các làng để rước. Đến bến sông cỗ kiệu được dừng lại để tiến hành nghi lễ lấy nước tắm tượng.



Trong lễ hội có tiết mục múa đèn thờ. Khoảng chục cô gái xinh đẹp, hai tay cầm hai đài nến uyển chuyển múa theo tiếng bập bùng của một hoặc hai “cô gái” đánh bông^(*) đi đầu. Cô gái đánh bông thực chất là nam giới đóng giả nữ, vừa uốn éo nhún nhảy vừa gõ bông điều khiển đám múa đèn. Ánh nến rọi qua lớp giấy màu khi chụm vào khi dãn ra, khi uốn khi lượn một cách huyền hoặc trong khi dân chúng cúi đầu bái tượng.

Hai Bà Trưng đã sống mãi với dân tộc Việt trong những lễ hội cổ truyền ấy.

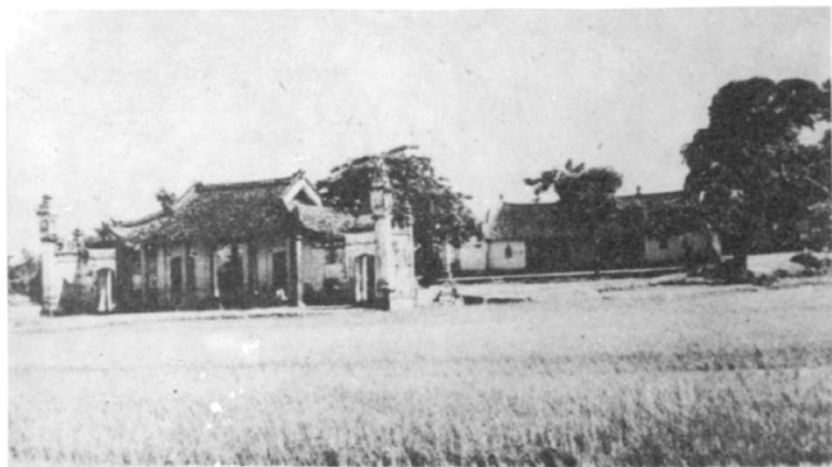
* Bông tức là trống cơm.





*Tượng bà Lê Chân tại
đền thờ ở Hải Phòng.*

Ảnh của Bảo tàng Phụ nữ
thành phố Hồ Chí Minh.



Đền thờ Hai Bà Trưng, Hạ Lôi, Hà Nội.

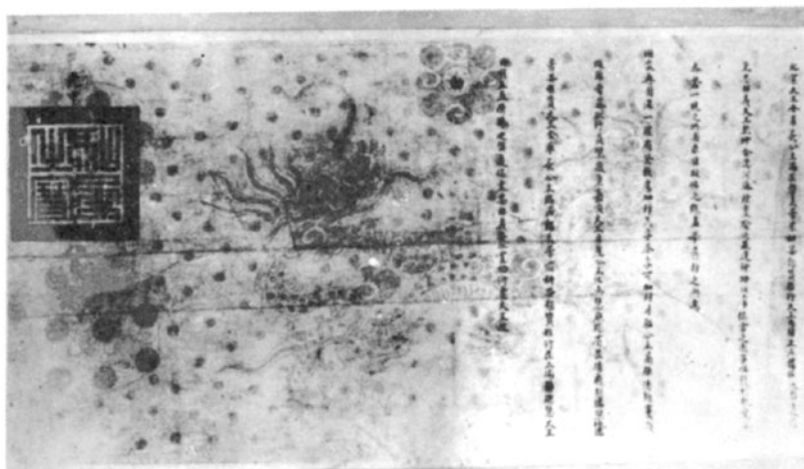


Trung Vương trừ giặc Hán (Tranh Đông Hồ).

Chữ trên tranh: Phía trái trên Trưng Vương trừ giặc Hán.

Phía trái dưới Tô Định.

Chữ trong cờ: Trưng. Phía phải: Trưng Trắc, Trưng Nhị.

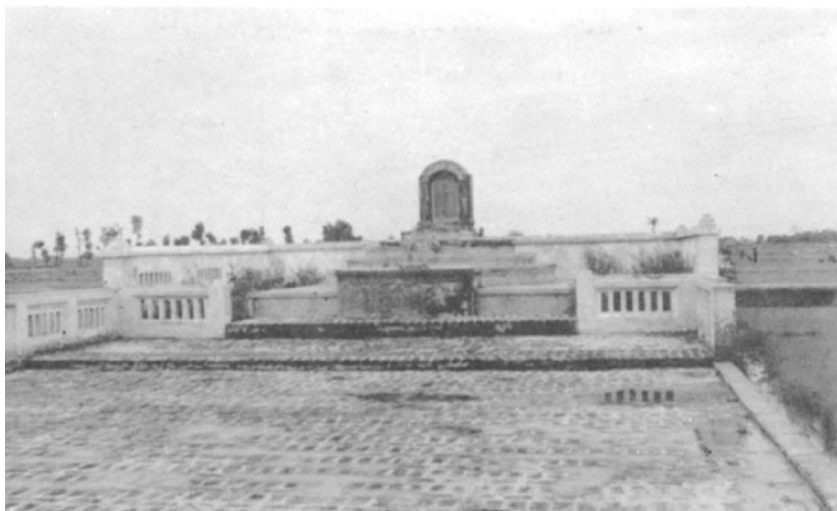


Sắc phong của vua Quang Trung cho các tướng của Hai Bà Trưng là Nguyệt Thái và Nguyệt Độ (Văn Lâm, Hưng Yên).



Miếu Mèn, nơi thờ bà Man Thiện.

Ảnh của Bảo tàng Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh.



Mả Dạ.

Ảnh của Bảo tàng Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch của NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1967.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.
3. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Hà Nội, 1964.
4. Đinh Văn Nhật, *Đất Cẩm Khê, căn cứ cuối cùng của Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa Mê Linh năm 4043*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 148 12/1973.
5. Lê Thuốc, Trần Huy Bá, *Tám bia đá trước sân đền Hai Bà Trưng, Hà Nội*, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 49/1973.
6. Nguyễn Ngọc Chương, *Bước đầu giới thiệu một số nguồn tư liệu xung quanh di tích lịch sử thuộc về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 146/1972.
7. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng và các tác giả, *Lịch sử Việt Nam* tập 1, NXB. Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1991.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 6
HAI BÀ TRUNG

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Phan An *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VŨ PHUỘNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn



Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và nhân dân Âu Lạc tuy chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi nhưng đó chính là một bản anh hùng ca mở đầu cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta suốt trong mười thế kỷ chống bọn xâm lược phong kiến phương bắc. Để tưởng nhớ Hai Bà và các tướng lĩnh, nhân dân lập đền thờ ở nhiều nơi. Riêng Hai Bà có ngôi đền chính: Đền Hạ Lôi ở Yên Lãng (nay là huyện Mê Linh), đền Hát Môn ở Phúc Thọ (Hà Nội) và đền Đồng Nhân ở quận Hai Bà Trưng (Hà Nội).

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH THỜI KỲ BẮC THUỘC

